

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
PHÒNG KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH

PL01 - DANH SÁCH SINH VIÊN ĐÃ HOÀN THÀNH NỘP HỌC PHÍ HỌC KỲ 01 NĂM HỌC 2023-2024

CHẤT LƯỢNG CAO ĐÁP ỨNG TT 23/2014/TT-BGDĐT
(Kèm theo CV số: /TB-ĐHKT ngày tháng năm)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Tổng học phí phải nộp	Học phí đã nộp	Ghi chú
Ngành	Kế toán		361			
1	18050994	Hoàng Văn Anh	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	1,125,000	1,125,000	
2	18051001	Nguyễn Thị Vân Anh	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	1,125,000	1,125,000	
3	18051126	Đinh Tôn Thảo Vy	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	4,815,000	4,815,000	
4	18051131	Lương Trung Thành	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	750,000	750,000	
5	19050984	Nguyễn Lê Tùng	QH-2019-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	22,480,000	22,480,000	
6	19050873	Vũ Ngọc Hùng	QH-2019-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	29,545,000	29,545,000	
7	19050857	Lương Gia Hân	QH-2019-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	7,545,000	7,545,000	
8	20050057	Phạm Thị Quỳnh Chi	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
9	20050108	Nghiêm Thu Huyền	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
10	20050178	Đào Thu Uyên	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
11	20050569	Lê Trương Thực Anh	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
12	20050570	Nguyễn Hà Anh	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
13	20050578	Phạm Trần Trâm Anh	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
14	20050585	Phạm Lê Hồng Châu	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
15	20050591	Nguyễn Mạnh Cường	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
16	20050593	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
17	20050595	Vũ Thị Mỹ Dung	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
18	20050603	Đỗ Thu Hà	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
19	20050605	Nguyễn Thị Hà	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
20	20050614	Trần Thị Thanh Hiền	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
21	20050616	Dương Mỹ Hoa	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
22	20050625	Nguyễn Thị Minh Huệ	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
23	20050635	Trần Thanh Hường	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
24	20050638	Trần Thị Lan	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
25	20050640	Nguyễn Tiến Lâm	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
26	20050643	Đào Phương Linh	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
27	20050645	Nguyễn Phương Linh	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	28,415,000	28,415,000	
28	20050646	Nguyễn Thị Mai Linh	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
29	20050647	Nguyễn Thị Phương Linh	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
30	20050650	Nguyễn Thùy Linh	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
31	20050651	Phạm Thảo Linh	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
32	20050659	Quách Hiếu Mai	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
33	20050673	Phạm Thị Thu Nhài	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
34	20050675	Nghiêm Thị Mỹ Nhung	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
35	20050676	Nguyễn Thị Hồng Nhung	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
36	20050678	Bùi Hoài Phương	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
37	20050681	Trần Hà Phương	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
38	20050694	Đặng Thị Thanh	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
39	20050700	Dương Thu Thảo	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
40	20050705	Nguyễn Thu Thảo	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
41	20050708	Trần Thị Thắng	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	

42	20050719	Lộ Huyền Trang	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
43	20050721	Lý Thị Trang	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
44	20050726	Phạm Thị Thu Trang	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
45	20050728	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
46	20050734	Nguyễn Thị Thảo Vân	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
47	20050736	Đỗ Thị Vui	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
48	20050739	Đỗ Hải Yến	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
49	20050561	Nguyễn Bình An	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	22,640,000	22,640,000	
50	20050565	Lê Mai Anh	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
51	20050568	Lê Thị Vân Anh	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
52	20050573	Nguyễn Phương Anh	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
53	20050576	Nguyễn Thị Việt Anh	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
54	20050580	Trần Quốc Anh	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
55	20050583	Nguyễn Thảo Ân	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
56	20050586	Dương Thị Tùng Chi	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
57	20050589	Nguyễn Quỳnh Chi	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
58	20050594	Phùng Thị Phương Dung	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
59	20050598	Nguyễn Thùy Dương	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	20,710,000	20,710,000	
60	20050601	Phạm Việt Đức	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	
61	20050606	Nguyễn Thị Thu Hà	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
62	20050610	Trần Thúy Hải	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
63	20050613	Nguyễn Thu Hiền	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	22,640,000	22,640,000	
64	20050619	Nguyễn Minh Hòa	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
65	20050622	Nguyễn Thị Thu Huệ	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
66	20050627	Dương An Huy	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	16,775,000	16,775,000	
67	20050630	Lê Phương Huyền	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
68	20050633	Nguyễn Thị Hương	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
69	20050644	Mai Diệu Linh	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
70	20050652	Trần Thủy Linh	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	21,915,000	21,915,000	
71	20050655	Nguyễn Thị Khánh Ly	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
72	20050658	Phạm Thị Thanh Mai	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
73	20050662	Nguyễn Thị Ngân	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
74	20050665	Ngô Thị Ngọc	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
75	20050669	Trần Thị Bích Ngọc	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
76	20050671	Hoàng Khánh Nguyệt	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
77	20050679	Nguyễn Thị Hồng Phương	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
78	20050684	Vũ Thùy Phương	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
79	20050688	Lưu Mỹ Quyên	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
80	20050691	Hoàng Tú Quỳnh	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
81	20050697	Phạm Tuấn Thành	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
82	20050701	Đặng Thị Phương Thảo	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
83	20050704	Nguyễn Thị Thảo	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
84	20050707	Vũ Thị Thanh Thảo	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	16,775,000	16,775,000	
85	20050711	Nguyễn Hà Khánh Thu	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
86	20050714	Lê Thị Hương Trà	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
87	20050718	Hoàng Thị Thu Trang	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
88	20050722	Nguyễn Đoàn Minh Trang	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	22,640,000	22,640,000	
89	20050725	Phạm Quỳnh Trang	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
90	20050730	Dương Thị Thanh Trúc	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
91	20050732	Nguyễn Thị Tuyết	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
92	20050737	Phạm Vũ Thảo Vy	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
93	20050107	Trần Hoàng Gia Huy	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	25,795,000	25,795,000	

94	20050170	Lê Minh Trang	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	
95	20050564	Đinh Thị Huyền Anh	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
96	20050566	Lê Ngọc Anh	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	20,065,000	20,065,000	
97	20050571	Nguyễn Lê Thục Anh	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
98	20050574	Nguyễn Phương Anh	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
99	20050577	Phạm Thị Mai Anh	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	31,625,000	31,625,000	
100	20050581	Vũ Quỳnh Anh	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
101	20050584	Đặng Quốc Bảo	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
102	20050587	Đào Huệ Chi	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	
103	20050590	Nguyễn Thị Thủy Chinh	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
104	20050596	Đông Thị Thùy Dương	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
105	20050599	Phan Ngọc Đông	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
106	20050602	Quách Trọng Đức	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
107	20050608	Trần Thị Việt Hà	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
108	20050611	Ngô Đức Minh Hằng	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
109	20050615	Hà Trung Hiếu	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
110	20050620	Phan Mạnh Hoàng	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
111	20050623	Phạm Minh Huế	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
112	20050631	Ngô Khánh Huyền	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
113	20050636	Nguyễn Kiều Khanh	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
114	20050641	Hoàng Thị Lệ	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
115	20050648	Nguyễn Thị Thùy Linh	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
116	20050653	Trương Thu Linh	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
117	20050656	Trịnh Hải Ly	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
118	20050660	Nguyễn Huyền My	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
119	20050663	Lê Bảo Ngọc	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
120	20050666	Nguyễn Thị Minh Ngọc	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
121	20050668	Triệu Thị Bích Ngọc	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	14,070,000	14,070,000	
122	20050677	Nguyễn Công Phước	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
123	20050682	Trần Thị Thanh Phương	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
124	20050685	Đoàn Nguyễn Châu Phương	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
125	20050689	Đỗ Diệu Quỳnh	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
126	20050690	Đinh Xuân Quỳnh	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
127	20050692	Nguyễn Thị Quỳnh	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	
128	20050695	Lê Thị Thúy Thanh	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
129	20050698	Bế Phương Thảo	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
130	20050702	Lê Thị Thanh Thảo	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
131	20050706	Phạm Thị Phương Thảo	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
132	20050709	Đỗ Thu Thủy	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	
133	20050712	Nguyễn Minh Thư	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	22,640,000	22,640,000	
134	20050716	Hoàng Nguyễn Thu Trang	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
135	20050723	Nguyễn Huyền Trang	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	
136	20050727	Đoàn Bảo Trâm	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
137	20050733	Đặng Thủy Vân	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
138	20050738	Vũ Hà Vy	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
139	20050036	Phương Dạ Thảo	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
140	20050054	Hà Cẩm Bình	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
141	20050563	Đỗ Phương Anh	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
142	20050567	Lê Quỳnh Anh	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
143	20050572	Nguyễn Ngọc Anh	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
144	20050575	Nguyễn Thị Diệu Anh	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
145	20050579	Tạ Hà Anh	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	

146	20050582	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
147	20050588	Đặng Quỳnh Chi	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
148	20050592	Trịnh Thị Diễm	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
149	20050597	Nguyễn Thùy Dương	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
150	20050600	Nguyễn Hoài Đức	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
151	20050604	Đoàn Thị Thu Hà	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
152	20050609	Trần Thu Hà	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
153	20050612	Trần Diệu Hằng	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
154	20050617	Nguyễn Thị Phương Hoa	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
155	20050621	Nguyễn Bích Hồng	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
156	20050626	Mao Trọng Hùng	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
157	20050629	Lê Ngọc Huyền	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
158	20050632	Nguyễn Thu Huyền	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
159	20050637	Lương Thúy Lan	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
160	20050642	Nguyễn Thị Phương Liên	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
161	20050649	Nguyễn Thị Thùy Linh	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
162	20050654	Kiều Thảo Ly	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
163	20050657	Ngô Thị Hoàng Mai	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
164	20050661	Hà Phương Ngân	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	
165	20050664	Lê Thị Ngọc	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
166	20050667	Phạm Bích Ngọc	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
167	20050670	Vũ Thị Minh Ngọc	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
168	20050680	Nguyễn Thị Phương	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
169	20050687	Trần Minh Phương	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
170	20050696	Nguyễn Thị Phương Thanh	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
171	20050703	Nguyễn Phương Thảo	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
172	20050710	Nguyễn Thanh Thủy	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
173	20050713	Dương Thị Thu Trà	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
174	20050717	Hoàng Phương Trang	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
175	20050720	Lê Thị Thu Trang	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
176	20050724	Nguyễn Thu Trang	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
177	20050729	Nguyễn Công Trí	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
178	20050731	Trương Lê Vĩnh Tuấn	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	22,630,000	22,630,000	
179	20050735	Phạm Thị Hồng Vân	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
180	20050740	Lê Thị Hải Yến	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
181	21050079	Nguyễn Thị Mai Linh	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
182	21050080	Nguyễn Phương Mai	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
183	21050081	Võ Khánh Trà	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
184	21050568	Phạm Khánh An	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	22,640,000	22,640,000	
185	21050571	Đỗ Thị Minh Anh	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
186	21050574	Lê Bùi Châu Anh	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	19,375,000	19,375,000	
187	21050587	Phạm Phương Anh	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
188	21050588	Phạm Thị Hà Anh	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
189	21050590	Võ Thị Ngọc Ánh	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
190	21050591	Phạm Minh Bách	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	16,775,000	16,775,000	
191	21050594	Phan Bảo Châu	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
192	21050596	Bùi Linh Chi	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
193	21050598	Lê Huệ Chi	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	
194	21050601	Phạm Yến Chi	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
195	21050602	Trần Thị Lan Chi	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
196	21050614	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
197	21050617	Nguyễn Thùy Dương	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	

198	21050621	Vũ Văn Đại	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
199	21050625	Nguyễn Hương Giang	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
200	21050632	Nguyễn Thúy Hằng	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
201	21050636	Nguyễn Thị Hồng	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
202	21050637	Nguyễn Thị Thu Huệ	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
203	21050638	Phạm Quang Huy	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
204	21050641	Nguyễn Thị Khánh Huyền	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
205	21050645	Nguyễn Phạm Linh Hương	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
206	21050654	Nguyễn Nhật Lệ	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
207	21050657	Hoàng Gia Linh	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
208	21050659	Mai Thị Phương Linh	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
209	21050661	Nguyễn Khánh Linh	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
210	21050662	Nguyễn Ngọc Hà Linh	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
211	21050663	Nguyễn Ngọc Linh	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
212	21050673	Nguyễn Hà Ly	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
213	21050678	Phạm Hải Lý	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
214	21050680	Hứa Thị Mai	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	15,810,000	15,810,000	
215	21050688	Nguyễn Ngọc Minh	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	15,050,000	15,050,000	
216	21050691	Nghiêm Diệu My	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
217	21050694	Phạm Thị Ngọc Mỹ	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
218	21050698	Lê Thị Dương Ngọc	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
219	21050702	Nguyễn Như Nguyệt	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
220	21050706	Nguyễn Thị Xuân Nhị	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
221	21050708	Trần Thị Kim Oanh	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
222	21050720	Lại Phan Thúy Tâm	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
223	21050721	Bùi Phương Thảo	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
224	21050724	Hoàng Phương Thảo	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
225	21050725	Khương Linh Thảo	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
226	21050734	Nguyễn Phương Thu	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
227	21050740	Cao Thị Thu Trang	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
228	21050743	Lê Hà Quỳnh Trang	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
229	21050747	Vũ Quỳnh Trang	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
230	21050569	Bùi Ngọc Tú Anh	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
231	21050572	Đỗ Thị Quỳnh Anh	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
232	21050575	Lê Mỹ Anh	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
233	21050578	Nguyễn Minh Anh	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
234	21050585	Nguyễn Thùy Anh	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
235	21050610	Nguyễn Phương Dung	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
236	21050613	Cao Mỹ Duyên	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
237	21050615	Dương Sơn Dương	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
238	21050616	Nguyễn Thị Thùy Dương	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
239	21050618	Nguyễn Thùy Dương	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
240	21050620	Trần Thị Ánh Dương	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	
241	21050622	Nguyễn Mạnh Đức	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
242	21050623	Lê Vũ Hương Giang	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
243	21050624	Nguyễn Hoài Giang	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
244	21050627	Đỗ Ngân Hà	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
245	21050628	Phạm Minh Hà	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
246	21050629	Ngô Thúy Hào	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	
247	21050631	Nguyễn Thị Hằng	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
248	21050633	Tạ Thị Thanh Hiền	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
249	21050635	Nguyễn Thị Thanh Hoa	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	

250	21050644	Trần Đăng Việt Hưng	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	
251	21050649	Bùi Quang Khải	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
252	21050652	Nguyễn My Lan	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
253	21050665	Nguyễn Thị Linh	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
254	21050669	Trần Khánh Linh	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
255	21050670	Nguyễn Thị Mai Loan	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
256	21050672	Lê Hiền Lương	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
257	21050677	Phan Thị Kim Lý	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
258	21050682	Phạm Phương Mai	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
259	21050686	Hoàng Lê Minh	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	15,050,000	15,050,000	
260	21050689	Nguyễn Phan Ngọc Minh	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
261	21050692	Phạm Thị Trà My	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
262	21050699	Nguyễn Bích Ngọc	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
263	21050703	Phạm Thị Thanh Nhân	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
264	21050707	Trương Hồng Nhung	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
265	21050713	Ngô Thị Phượng	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
266	21050719	Vũ Thúy Quỳnh	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
267	21050723	Hồ Phương Thảo	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
268	21050727	Nguyễn Phương Thảo	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
269	21050730	Vũ Phạm Phương Thảo	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
270	21050733	Hoàng Nhật Thu	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
271	21050739	Bùi Huyền Trang	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
272	21050746	Trần Huyền Trang	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
273	21050751	Phạm Tú Uyên	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
274	21050753	Nguyễn Thảo Vân	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
275	21051680	Hoàng Minh Thư	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	15,050,000	15,050,000	
276	21050573	Đặng Hải Anh	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
277	21050576	Lương Thị Quỳnh Anh	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
278	21050586	Ninh Thùy Anh	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
279	21050589	Trần Thị Ngọc Lan Anh	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
280	21050612	Nguyễn Tiến Dũng	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
281	21050619	Nguyễn Thùy Dương	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
282	21050626	Bùi Việt Hà	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
283	21050630	Đỗ Thị Thu Hằng	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	
284	21050639	Hà Thanh Huyền	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
285	21050642	Trần Thị Huyền	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
286	21050643	Vũ Minh Huyền	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
287	21050646	Nguyễn Thu Hương	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
288	21050647	Hà Thị Thu Hường	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
289	21050648	Hoàng Mai Hường	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,615,000	17,615,000	
290	21050650	Nguyễn Quang Khải	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	20,710,000	20,710,000	
291	21050651	Lê Hoàng Lan	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
292	21050653	Vũ Hoàng Lan	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
293	21050655	Trần Thị Mỹ Lệ	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
294	21050656	Hoàng Diệu Khánh Linh	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
295	21050658	Lê Thị Mai Linh	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
296	21050666	Nguyễn Thị Mỹ Linh	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
297	21050671	Nguyễn Quốc Long	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
298	21050674	Phạm Khánh Ly	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
299	21050679	Bùi Thị Ngọc Mai	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
300	21050685	Đào Thị Minh	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
301	21050690	Nguyễn Thu Minh	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	

302	21050693	Tạ Trang My	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
303	21050695	Lương Thị Quỳnh Nga	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
304	21050697	Phạm Thị Hồng Ngát	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
305	21050701	Trần Ngọc Ngọc	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
306	21050714	Nguyễn Thị Phương	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
307	21050717	Nguyễn Văn Quỳnh	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
308	21050722	Đỗ Xuân Thảo	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
309	21050728	Nguyễn Thị Thanh Thảo	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
310	21050736	Vương Thị Bích Thủy	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
311	21050741	Đỗ Phạm Kiều Trang	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
312	21050742	Lê Huyền Trang	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	15,050,000	15,050,000	
313	21050748	Nguyễn Mai Trinh	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
314	21050749	Nguyễn Ngọc Kiều Trinh	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
315	21050750	Hoàng Thanh Trúc	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
316	21050752	Nguyễn Ngọc Thiên Vân	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
317	21050754	Phạm Hồng Vân	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
318	21050757	Vũ Hải Yến	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
319	21050566	Lê Khắc Hoà An	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
320	21050567	Nguyễn Thúy An	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
321	21050570	Bùi Thị Quỳnh Anh	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	
322	21050577	Nguyễn Mai Anh	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
323	21050580	Nguyễn Quỳnh Anh	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
324	21050581	Nguyễn Thị Lan Anh	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
325	21050582	Nguyễn Thị Minh Anh	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
326	21050583	Nguyễn Thị Ngọc Anh	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
327	21050584	Nguyễn Thục Anh	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	20,710,000	20,710,000	
328	21050593	Nguyễn Thị Châu	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
329	21050595	Trịnh Minh Châu	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	20,065,000	20,065,000	
330	21050599	Nguyễn Linh Chi	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
331	21050600	Phạm Thị Linh Chi	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	19,375,000	19,375,000	
332	21050604	Nguyễn Thị Thu Cúc	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
333	21050605	Ngô Thị Hồng Diễm	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
334	21050606	La Ngọc Diệp	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
335	21050607	Phan Thị Thu Dịu	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
336	21050608	Hoàng Thị Thùy Dung	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
337	21050609	Ngô Phương Dung	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
338	21050660	Nguyễn Hoài Linh	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
339	21050664	Nguyễn Thị Hà Linh	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	21,460,000	21,460,000	
340	21050667	Nguyễn Thị Thùy Linh	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
341	21050668	Phạm Hà Linh	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
342	21050675	Trần Khánh Ly	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
343	21050676	Trần Phương Ly	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
344	21050681	Nguyễn Quỳnh Mai	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
345	21050683	Tạ Quỳnh Mai	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
346	21050687	Lại Thị Minh	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
347	21050696	Vũ Thị Thanh Nga	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
348	21050700	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
349	21050704	Lê Hạnh Nhi	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
350	21050705	Phạm Thụy Nhi	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
351	21050709	Đặng Thị Thu Phương	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
352	21050710	Nguyễn Thị Hà Phương	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
353	21050711	Nguyễn Thị Thu Phương	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	

354	21050715	Nguyễn Thanh Quang	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
355	21050718	Viêm Thị Hồng Quỳnh	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
356	21050726	Nguyễn Phương Thảo	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
357	21050735	Phùng Thị Thu Thủy	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
358	21050737	Nguyễn Thị Anh Thư	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
359	21050738	Thái Thị Mai Thương	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
360	21050744	Nguyễn Hương Trang	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
361	21050745	Nguyễn Thị Thu Trang	QH-2021-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
362	19050994	Phạm Tuấn Anh	QH-2019-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	22,960,000	22,960,000	
363	20050639	Hà Tuấn Lâm	QH-2020-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	23,390,000	23,390,000	
Ngành		Kinh tế	449			
365	19050185	Lê Kim Ngân	QH-2019-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	3,960,000	3,960,000	
366	19050049	Đặng Nguyên Dương	QH-2019-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	12,690,000	12,690,000	
367	19050255	Nguyễn Đức Thoại	QH-2019-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	16,965,000	16,965,000	
368	19050014	Nguyễn Minh Anh	QH-2019-E KINH TẾ-CLC 6 (TT 23)	11,565,000	11,565,000	
369	19050128	Nguyễn Vĩnh Kỳ	QH-2019-E KINH TẾ-CLC 6 (TT 23)	7,545,000	7,545,000	
370	20051118	Mạc Yến Nhi	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	20,790,000	20,790,000	
371	19050295	Vũ Minh Việt	QH-2019-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	1,125,000	1,125,000	
372	19050042	Phùng Ngọc Diệp	QH-2019-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	2,565,000	2,565,000	
373	19050122	Nguyễn Thị Thu Huyền	QH-2019-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	27,410,000	27,410,000	
374	19050124	Nguyễn Xuân Khiêm	QH-2019-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	9,260,000	9,260,000	
375	19050090	Trịnh Đức Hiếu	QH-2019-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	12,315,000	12,315,000	
376	19050096	Bùi Lê Minh Hoàng	QH-2019-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	27,735,000	27,735,000	
377	19050006	Đông Tuấn Anh	QH-2019-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	2,565,000	2,565,000	
378	19050127	Nguyễn Xuân Kiên	QH-2019-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	3,960,000	3,960,000	
379	20050972	Bùi Lê An	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
380	20050976	Đỗ Phương Anh	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
381	20050986	Nguyễn Phương Anh	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
382	20050988	Nguyễn Trần Phương Anh	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
383	20050991	Nguyễn Văn Anh	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
384	20050993	Ninh Thị Lan Anh	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
385	20050997	Đoàn Thị Ngọc Ánh	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
386	20051009	Lê Phương Chi	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
387	20051014	Nguyễn Mạnh Cường	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	20,065,000	20,065,000	
388	20051016	Tống Thị Diễm	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
389	20051029	Nguyễn Trọng Hải Đăng	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
390	20051049	Lê Minh Hiệp	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
391	20051054	Dương Việt Hoàng	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
392	20051059	Nguyễn Tuấn Hùng	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
393	20051064	Đoàn Thu Huyền	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
394	20051069	Nguyễn Quốc Hưng	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
395	20051090	Phạm Thùy Linh	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
396	20051094	Lưu Thị Ngọc Ly	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
397	20051099	Lưu Đức Mạnh	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
398	20051103	Đỗ Phương Nga	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	21,355,000	21,355,000	
399	20051109	Ngô Thị Ngân	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
400	20051114	Vũ Thị Bảo Ngọc	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
401	20051119	Nguyễn Tuyết Nhi	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
402	20051129	Nguyễn Hữu Phước	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
403	20051134	Trần Thị Phương	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
404	20051139	Đinh Thị Diễm Quỳnh	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	

405	20051149	Lại Anh Sơn	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
406	20051154	Trần Thanh Tâm	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
407	20051161	Trần Thanh Thảo	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
408	20051166	Nguyễn Thị Thu	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
409	20051171	Trần Thị Thanh Thủy	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
410	20051177	Nguyễn Thị Hương Trà	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
411	20051180	Đỗ Thùy Trang	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
412	20051185	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
413	20051187	Vũ Thị Quỳnh Trang	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	20,710,000	20,710,000	
414	20051193	Lê Thanh Tùng	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
415	20051199	Đỗ Khánh Vân	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
416	20051204	Vũ Thị Bảo Yên	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
417	20050015	Hoàng Thảo Linh	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
418	20050973	Nguyễn Đăng An	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
419	20050977	Đỗ Tuấn Anh	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
420	20050982	Ngô Quốc Anh	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
421	20050990	Nguyễn Tuấn Anh	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
422	20050992	Nguyễn Việt Anh	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
423	20050998	Hoàng Thị Ánh	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
424	20051003	Nguyễn Thị Hải Bình	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
425	20051005	Kiều Phương Châm	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
426	20051010	Nguyễn Hà Chi	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
427	20051017	Đỗ Thị Thùy Dung	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
428	20051021	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
429	20051025	Phan Thủy Dương	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
430	20051030	Vũ Hoàng Định	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
431	20051039	Nguyễn Thu Hà	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
432	20051040	Ngô Thị Hạ	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
433	20051045	Đặng Nữ Ngọc Hân	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
434	20051060	Kiều Quang Huy	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
435	20051075	Trần Thị Mai Hương	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
436	20051079	Trần Duy Khánh	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
437	20051085	Nguyễn Hoàng Linh	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
438	20051089	Phan Thị Phương Linh	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
439	20051095	Nguyễn Khánh Ly	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
440	20051100	Nguyễn Lê Hoàng Minh	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
441	20051105	Lê Quỳnh Nga	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
442	20051110	Phạm Thủy Ngân	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
443	20051115	Dương Kỳ Thảo Nguyên	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
444	20051125	Lê Hoàng Phong	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
445	20051130	Chữ Hà Phương	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	16,775,000	16,775,000	
446	20051135	Vũ Thu Phương	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
447	20051140	Lê Thúy Quỳnh	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
448	20051144	Phạm Thị Như Quỳnh	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
449	20051150	Nguyễn Mạnh Sơn	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
450	20051157	Nguyễn Phương Thảo	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
451	20051162	Nguyễn Thị Hồng Thắm	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
452	20051167	Trần Hà Thu	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
453	20051172	Ngô Anh Thư	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
454	20051175	Đào Quyết Tiến	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
455	20051178	Nguyễn Thị Thu Trà	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
456	20051183	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	

457	20051188	Hoàng Thanh Trúc	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
458	20051194	Nguyễn Duy Tùng	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
459	20051200	Nguyễn Lê Yên Vi	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
460	20050038	Nguyễn Huy Hoàng	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	21,355,000	21,355,000	
461	20050974	Phạm Hà Thùy An	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
462	20050979	Hoàng Minh Đức Anh	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
463	20050983	Nguyễn Duy Anh	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	
464	20050987	Nguyễn Thị Hải Anh	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
465	20050994	Phạm Kim Anh	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
466	20050999	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
467	20051004	Nguyễn Văn Cao	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
468	20051006	Nguyễn Minh Châu	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
469	20051018	Nguyễn Lê Dung	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	16,775,000	16,775,000	
470	20051022	Đỗ Tùng Dương	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
471	20051026	Nguyễn Tiến Đạt	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
472	20051031	Dương Văn Đức	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
473	20051036	Lê Thị Hà	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
474	20051041	Đào Trung Hải	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
475	20051046	Nguyễn Thu Hiền	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
476	20051051	Lại Minh Hiếu	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
477	20051056	Nguyễn Việt Hoàng	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	
478	20051061	Lê Quang Huy	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	21,780,000	21,780,000	
479	20051066	Phạm Thị Thanh Huyền	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
480	20051071	Hoàng Thu Hương	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
481	20051080	Trần Như Trung Kiên	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	21,835,000	21,835,000	
482	20051081	Trần Thị Ngọc Lan	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
483	20051086	Nguyễn Thị Hà Linh	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
484	20051092	Ninh Hải Long	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
485	20051096	Chu Phương Mai	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
486	20051108	Nguyễn Thanh Nga	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
487	20051111	Nguyễn Thị Ngoan	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	22,855,000	22,855,000	
488	20051116	Phạm Thảo Nguyên	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
489	20051121	Lê Thị Nhung	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	21,355,000	21,355,000	
490	20051126	Nguyễn Thế Phong	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
491	20051132	Đặng Thu Phương	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
492	20051136	Nguyễn Đăng Quang	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
493	20051141	Mai Nguyễn Diệp Quỳnh	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	
494	20051146	Phùng Thị Như Quỳnh	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
495	20051151	Vũ Cao Sơn	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
496	20051158	Nguyễn Phương Thảo	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
497	20051173	Phạm Anh Thư	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
498	20051179	Bùi Thị Huyền Trang	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	21,355,000	21,355,000	
499	20051189	Nguyễn Thanh Trúc	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	21,780,000	21,780,000	
500	20051190	Phạm Anh Tú	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
501	20051195	Nguyễn Đức Tùng	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
502	20050980	Lê Hoài Anh	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
503	20050984	Nguyễn Hùng Anh	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
504	20050995	Phạm Ngọc Anh	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
505	20051000	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
506	20051007	Chu Linh Chi	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
507	20051011	Trần Thị Kim Chi	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
508	20051019	Kim Đức Dũng	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	

509	20051023	Nguyễn Công Dương	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
510	20051027	Nguyễn Tiến Đạt	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
511	20051032	Lê Hà Minh Đức	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
512	20051037	Nguyễn Thu Hà	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
513	20051042	Vũ Thị Hồng Hạnh	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
514	20051047	Nguyễn Minh Hiền	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	
515	20051052	Nguyễn Đỗ Phương Hoa	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	
516	20051057	Trần Việt Hoàng	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
517	20051062	Phí Anh Huy	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
518	20051067	Trần Khánh Huyền	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
519	20051072	Nguyễn Lan Hương	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
520	20051076	Trần Thị Mai Khanh	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
521	20051082	Đỗ Thị Lâm	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
522	20051087	Nguyễn Thị Khánh Linh	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
523	20051091	Ngô Hoàng Long	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
524	20051097	Ngô Phương Mai	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	
525	20051102	Tạ Hà My	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	16,775,000	16,775,000	
526	20051106	Nguyễn Thị Nga	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
527	20051112	Cánh Thị Hồng Ngọc	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
528	20051122	Nguyễn Thị Nhung	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
529	20051127	Đỗ Văn Phúc	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
530	20051131	Đỗ Nguyên Phương	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
531	20051142	Nguyễn Ngọc Quỳnh	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
532	20051147	Nguyễn Thị Sơn	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
533	20051152	Nguyễn Thị Mai Sương	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
534	20051159	Nguyễn Phương Thảo	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	
535	20051164	Nguyễn Xuân Thắng	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	
536	20051169	Nguyễn Thị Thu Thủy	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
537	20051174	Trương Mậu Thư	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
538	20051181	Đào Thùy Trang	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
539	20051191	Vũ Thị Cẩm Tú	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
540	20051196	Đinh Thị Tuyết	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
541	20051197	Nguyễn Thị Tố Uyên	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	16,775,000	16,775,000	
542	20051201	Phạm Đức Việt	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
543	20051202	Ngô Thị Thanh Xuân	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
544	20050975	Đỗ Nguyệt Anh	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
545	20050981	Lê Thị Kiều Anh	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
546	20050985	Nguyễn Lâm Mỹ Anh	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
547	20050989	Nguyễn Trung Anh	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
548	20050996	Vũ Ngọc Anh	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	21,355,000	21,355,000	
549	20051001	Phạm Minh Ánh	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
550	20051008	Hoàng Thị Phương Chi	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
551	20051015	Phạm Thị Diễm	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
552	20051024	Nguyễn Thị Dương	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
553	20051028	Vũ Công Đạt	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
554	20051033	Trần Tuấn Đức	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
555	20051038	Nguyễn Thu Hà	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
556	20051053	Nguyễn Ngọc Hoa	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	21,355,000	21,355,000	
557	20051058	Ngô Xuân Hùng	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	21,355,000	21,355,000	
558	20051063	Bùi Thu Huyền	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
559	20051068	Nguyễn Quốc Hưng	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
560	20051083	Trần Bảo Lâm	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	

561	20051088	Nguyễn Yến Linh	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
562	20051093	Bùi Hữu Ly	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
563	20051098	Phạm Thị Ngọc Mai	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
564	20051104	Đinh Thị Quỳnh Nga	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
565	20051107	Nguyễn Thị Thúy Nga	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
566	20051113	Lê Thị Minh Ngọc	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	20,710,000	20,710,000	
567	20051123	Nguyễn Thị Thùy Nhung	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
568	20051128	Nguyễn Chí Phúc	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
569	20051133	Nguyễn Anh Phương	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
570	20051143	Nguyễn Thị Phương Quỳnh	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	21,355,000	21,355,000	
571	20051148	Đào Trần Việt Sơn	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
572	20051153	Nguyễn Thị Thanh Tâm	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
573	20051160	Nguyễn Thị Phương Thảo	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
574	20051165	Lê Thị Thu	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	21,355,000	21,355,000	
575	20051170	Dương Thị Mai Thùy	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
576	20051176	Bùi Hương Trà	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
577	20051182	Đinh Thị Trang	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
578	20051186	Nguyễn Thùy Trang	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
579	20051192	Lê Bá Tuấn	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
580	20051203	Trương Thị Thanh Xuân	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
581	21050095	Nguyễn Ngọc Thục Anh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
582	21050096	Nguyễn Thành Đạt	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
583	21050097	Phạm Văn Đạt	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
584	21050098	Trương Đức Hải	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	
585	21050099	Đàm Quang Minh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
586	21050100	Ngô Hải Nam	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
587	21050101	Trần Khôi Nguyên	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
588	21050102	Đinh Hải Trang	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
589	21050103	Hà Đức Trung	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
590	21050104	Trần Thị Khánh Vy	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
591	21051079	Đặng Nhật Anh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
592	21051081	Hoàng Thị Lan Anh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	21,355,000	21,355,000	
593	21051086	Lương Quế Anh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
594	21051087	Nguyễn Nam Anh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
595	21051091	Nguyễn Việt Anh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
596	21051094	Trần Tiến Anh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
597	21051107	Phan Ngọc Chi	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
598	21051109	Phùng Minh Chi	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
599	21051112	Nguyễn Ngọc Diệp	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
600	21051129	Hồ Sỹ Hoàng Đạt	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
601	21051133	Nguyễn Trọng Đông	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	23,280,000	23,280,000	
602	21051135	Nguyễn Mạnh Đức	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
603	21051139	Lê Trần Hải Hà	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
604	21051142	Trần Hoàng Hà	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
605	21051153	Trần Minh Hiếu	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
606	21051157	Lê Tiến Hùng	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
607	21051159	Tạ Hoàng Hùng	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
608	21051179	Nguyễn Đăng Khoa	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
609	21051196	Nguyễn Thị Khánh Linh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
610	21051212	Trần Mai Hoàng Linh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
611	21051213	Vũ Khánh Linh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
612	21051214	Vũ Thùy Linh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	

613	21051218	Phạm Quang Long	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
614	21051219	Trần Việt Hải Long	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	21,780,000	21,780,000	
615	21051230	Vũ Quang Minh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
616	21051234	Đỗ Thu Nga	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
617	21051236	Lê Thúy Nga	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
618	21051239	Nguyễn Kim Ngân	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
619	21051244	Chu Minh Ngọc	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	21,355,000	21,355,000	
620	21051250	Lê Tâm Nhi	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
621	21051254	Nguyễn Yến Nhi	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
622	21051261	Hoàng Lan Phương	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
623	21051263	Nguyễn Lan Phương	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
624	21051270	Hoàng Anh Quân	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
625	21051272	Nguyễn Thị Thuý Quỳnh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
626	21051281	Vũ Thị Mai Sương	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
627	21051291	Nguyễn Phương Thảo	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
628	21051294	Trần Phương Thảo	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
629	21051295	Bùi Thị Hồng Thắm	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
630	21051297	Võ Chiền Thắng	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
631	21051075	Quách Thành An	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
632	21051080	Đặng Thị Tuyết Anh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
633	21051085	Lại Ngọc Anh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
634	21051090	Nguyễn Thị Phương Anh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
635	21051097	Vũ Việt Anh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
636	21051101	Đình Trần Cảnh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
637	21051105	Nguyễn Thị Huệ Chi	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
638	21051111	Mai Bích Diệp	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
639	21051116	Nguyễn Phương Dung	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
640	21051120	Bùi Ngọc Kỳ Duyên	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
641	21051124	Phạm Quỳnh Dương	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
642	21051128	Mai Anh Đào	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
643	21051136	Nông Hoàng Gia	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
644	21051143	Vũ Thu Hà	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	19,375,000	19,375,000	
645	21051151	Nguyễn Ngọc Hân	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
646	21051158	Ngô Đức Hùng	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
647	21051167	Nguyễn Thái Huyền	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
648	21051171	Khuong Thị Thu Hương	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
649	21051175	Nguyễn Thu Hương	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
650	21051181	Nguyễn Anh Kiệt	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	15,050,000	15,050,000	
651	21051185	Ngô Chúc Lâm	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	
652	21051189	Tăng Tuyết Liên	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
653	21051193	Lưu Thị Ngọc Linh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
654	21051198	Nguyễn Thị Mai Linh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
655	21051202	Nguyễn Thảo Linh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
656	21051206	Nguyễn Trần Khánh Linh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
657	21051210	Trần Diệu Linh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
658	21051216	Phan Thị Bích Loan	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
659	21051222	Lê Ngọc Mai	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
660	21051227	Đình Đức Minh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	20,065,000	20,065,000	
661	21051231	Nguyễn Thảo My	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
662	21051237	Nguyễn Thị Hằng Nga	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
663	21051242	Lương Minh Nghĩa	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
664	21051251	Nguyễn Linh Nhi	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	

665	21051256	Trần Trung Nhi	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
666	21051260	Hà Thị Xuân Phương	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
667	21051266	Phạm Thị Phương	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
668	21051271	Đoàn Thị Như Quỳnh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
669	21051275	Phương Diễm Quỳnh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
670	21051280	Nguyễn Đức Sơn	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
671	21051285	Hoàng Thị Thanh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
672	21051289	Mạc Thị Thanh Thảo	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
673	21051296	Bùi Tất Thắng	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
674	21051300	Nguyễn Thị Minh Thu	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
675	21051304	Nguyễn Thu Thủy	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
676	21051308	Đào Huyền Trang	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
677	21051312	Nguyễn Thị Thu Trang	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
678	21051316	Nguyễn Kiều Trinh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
679	21051320	Nguyễn Ngọc Tuấn	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	20,710,000	20,710,000	
680	21051324	Hoàng Hải Vân	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
681	21051328	Trần Hải Yên	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
682	21051076	Bùi Văn Anh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
683	21051082	Lê Ngọc Anh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	21,780,000	21,780,000	
684	21051092	Tạ Thị Vân Anh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
685	21051098	Lê Thị Ngọc Ánh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
686	21051106	Nguyễn Thị Mai Chi	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
687	21051113	Vũ Ngọc Diệp	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
688	21051117	Trịnh Việt Dũng	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	19,330,000	19,330,000	
689	21051121	Nguyễn Thị Thùy Dương	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
690	21051125	Trương Ánh Dương	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
691	21051131	Phạm Hải Đăng	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
692	21051144	Nguyễn Đức Hải	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
693	21051148	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	20,065,000	20,065,000	
694	21051152	Nguyễn Thúy Hiền	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
695	21051164	Lê Khánh Huyền	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
696	21051168	Vũ Ngọc Huyền	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
697	21051172	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
698	21051176	Dư Văn Khải	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
699	21051182	Lê Thị Phương Lan	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
700	21051186	Phạm Xuân Lâm	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
701	21051190	Đàm Thị Diệu Linh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
702	21051199	Nguyễn Thị Nhật Linh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
703	21051203	Nguyễn Thùy Linh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
704	21051207	Thái Thị Thùy Linh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
705	21051211	Trần Mỹ Linh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
706	21051217	Đào Duy Long	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
707	21051223	Nguyễn Phương Mai	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
708	21051228	Lại Nhật Minh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
709	21051232	Nguyễn Trà My	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
710	21051238	Nguyễn Thúy Nga	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
711	21051243	Nguyễn Hữu Nghĩa	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	
712	21051248	Vũ Thị Hồng Ngọc	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
713	21051252	Nguyễn Thị Xuân Nhi	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
714	21051257	Đỗ Thị Hồng Nhung	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
715	21051262	Nguyễn Hà Phương	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
716	21051267	Thiều Thị Phương	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	

717	21051276	Tăng Thị Quỳnh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
718	21051286	Lã Tiên Thành	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	16,775,000	16,775,000	
719	21051290	Nguyễn Phương Thảo	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
720	21051301	Vũ Thị Hà Thu	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
721	21051305	Ngô Thị Diệu Thúy	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
722	21051309	Nguyễn Quỳnh Trang	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
723	21051313	Phan Thị Huyền Trang	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
724	21051317	Trần Thị Việt Trinh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
725	21051321	Vũ Ngọc Tuyên	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
726	21051325	Trương Thị Vân	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
727	21051077	Chu Thị Lan Anh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
728	21051083	Lê Ngọc Anh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
729	21051088	Nguyễn Phương Anh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
730	21051099	Nguyễn Ngọc Ánh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
731	21051103	Hoàng Bảo Châu	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
732	21051108	Phạm Thị Mai Chi	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
733	21051114	Đoàn Thị Diệu	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
734	21051118	Cù Đức Duy	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
735	21051122	Nguyễn Thùy Dương	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
736	21051126	Vũ Ninh Dương	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
737	21051130	Nguyễn Hải Đăng	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
738	21051132	Vũ Minh Đăng	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
739	21051138	Hoàng Đăng Hải Hà	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
740	21051145	Đặng Hồng Hạnh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
741	21051149	Trần Hồng Hạnh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
742	21051155	Nguyễn Đức Hoàng	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
743	21051165	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
744	21051169	Bùi Mai Hương	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
745	21051173	Nguyễn Thu Hương	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
746	21051177	Lương Ngọc Khanh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
747	21051183	Nguyễn Thị Ngọc Lan	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
748	21051187	Vũ Tùng Lâm	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
749	21051195	Nguyễn Phương Linh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	
750	21051200	Nguyễn Thị Phương Linh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
751	21051204	Nguyễn Thùy Linh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	20,065,000	20,065,000	
752	21051208	Tống Khánh Linh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	
753	21051220	Trần Thị Minh Luyện	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
754	21051224	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
755	21051229	Nguyễn Thị Nhật Minh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
756	21051233	Nguyễn Mạnh Nam	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
757	21051245	Hoàng Thị Ngọc	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
758	21051249	Ngô Thị Thảo Nguyên	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
759	21051253	Nguyễn Thảo Nhi	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
760	21051258	Hoàng Thị Nhung	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
761	21051264	Nguyễn Minh Phương	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
762	21051268	Đoàn Vũ Quang	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
763	21051273	Phạm Thị Diễm Quỳnh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
764	21051277	Vũ Tú Quỳnh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
765	21051283	Nguyễn Thị Thanh Tâm	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
766	21051287	Lê Trung Thành	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
767	21051292	Phạm Phương Thảo	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
768	21051298	Lưu Hoàn Thiện	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	

769	21051302	Dương Thị Minh Thủy	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
770	21051306	Hoàng Ngọc Mai Thư	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
771	21051310	Nguyễn Thị Hiền Trang	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
772	21051314	Trần Thị Thùy Trang	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
773	21051318	Nguyễn Thị Thanh Trúc	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
774	21051322	Phạm Thị Uyên	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
775	21051326	Trần Hà Vy	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
776	21051078	Đỗ Thị Minh Anh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
777	21051084	Lê Thảo Anh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
778	21051089	Nguyễn Thị Mai Anh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
779	21051096	Vũ Nguyễn Lan Anh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
780	21051104	Đào Quỳnh Chi	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	20,065,000	20,065,000	
781	21051110	Quách Gia Cường	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
782	21051115	Nguyễn Chí Doanh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
783	21051119	Trần Anh Duy	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	16,050,000	16,050,000	
784	21051123	Nguyễn Thùy Dương	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	20,065,000	20,065,000	
785	21051134	Lê Anh Đức	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
786	21051141	Phạm Hoàng Hà	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
787	21051146	Lỗ Đức Hạnh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
788	21051150	Đặng Minh Hằng	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
789	21051156	Nguyễn Thị Thanh Hồng	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
790	21051166	Nguyễn Thị Thu Huyền	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
791	21051174	Nguyễn Thu Hương	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
792	21051178	Vũ Quốc Khánh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
793	21051184	Trần Thị Phương Lan	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
794	21051188	Dương Nhật Lệ	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
795	21051192	Lâm Diệu Linh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
796	21051197	Nguyễn Thị Mai Linh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
797	21051201	Nguyễn Thị Thủy Linh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
798	21051205	Nguyễn Thùy Linh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
799	21051209	Tô Ái Linh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
800	21051215	Vương Thị Cẩm Linh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
801	21051221	Nguyễn Thị Ly	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	21,780,000	21,780,000	
802	21051225	Trần Thị Tuyết Mai	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
803	21051235	Hoàng Thị Thuý Nga	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
804	21051241	Trần Thị Kim Ngân	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
805	21051255	Trần Linh Tâm Nhi	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
806	21051259	Dương Thị Phương	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
807	21051265	Nguyễn Thị Phương	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
808	21051274	Phùng Diễm Quỳnh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
809	21051278	Hoàng Ngọc Sáng	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
810	21051284	Nguyễn Minh Thái	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
811	21051288	Lê Thị Thảo	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
812	21051293	Phạm Thị Thanh Thảo	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
813	21051299	Đỗ Thị Thanh Thiết	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
814	21051303	Hoàng Thị Thùy	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
815	21051307	Nguyễn Thị Thanh Thư	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
816	21051311	Nguyễn Thị Huyền Trang	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
817	21051315	Nguyễn Thị Trâm	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
818	21051319	Nguyễn Cẩm Tú	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
819	21051323	Phùng Thu Uyên	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
820	21051327	Khuất Thị Hoàng Yến	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	

821	19050181	Vũ Hoàng Nam	QH-2019-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	12,690,000	12,690,000	
822	19050215	Vũ Minh Phương	QH-2019-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	14,775,000	14,775,000	
823	20051002	Ngô Thị Ngọc Bích	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	25,315,000	25,315,000	
824	20051155	Đào Duy Thành	QH-2020-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	
825	21051191	Hoàng Thị Diệu Linh	QH-2021-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	
		Kinh tế phát triển	344			
814	20051241	Hoàng Thị Duyên	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	15,195,000	15,195,000	
815	20051209	Hoàng Diệu Anh	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
816	20051212	Nguyễn Thảo Anh	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
817	20051217	Phạm Trung Anh	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
818	20051221	Trần Văn Anh	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	21,355,000	21,355,000	
819	20051225	Lê Việt Bách	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
820	20051233	Đỗ Ngọc Diệp	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	21,355,000	21,355,000	
821	20051237	Tổng Văn Dũng	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	
822	20051249	Lê Thị Hương Giang	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
823	20051253	Đỗ Thị Thu Hà	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
824	20051257	Nguyễn Thu Hà	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
825	20051261	Phan Thị Hạnh	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
826	20051265	Phí Thị Hào	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
827	20051269	Nguyễn Trung Hiếu	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
828	20051273	Nguyễn Thị Ngọc Huệ	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
829	20051277	Bùi Thị Thu Huyền	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
830	20051281	Nguyễn Thị Thanh Huyền	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
831	20051285	Phạm Thiên Hương	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	21,355,000	21,355,000	
832	20051289	Nguyễn Trọng Lâm	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
833	20051293	Nguyễn Diệu Linh	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	21,780,000	21,780,000	
834	20051297	Nguyễn Thùy Linh	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
835	20051301	Vũ Thị Thủy Linh	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
836	20051305	Phạm Nhật Minh	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
837	20051313	Đỗ Thanh Nga	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
838	20051316	Nguyễn Thị Phương Ngân	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
839	20051324	Thân Thị Hoài Ngọc	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	21,780,000	21,780,000	
840	20051328	Nguyễn Diệp Nhi	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
841	20051336	Phạm Thu Phương	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
842	20051340	Nguyễn Hữu Quang	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	
843	20051344	Lưu Thị Quỳnh	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
844	20051348	Vũ Thị Quỳnh	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
845	20051351	Lê Thị Nhật Thảo	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
846	20051354	Nguyễn Thị Phương Thảo	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
847	20051359	Trần Phương Thảo	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
848	20051363	Nguyễn Xuân Thịnh	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
849	20051367	Nguyễn Thu Thủy	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	21,780,000	21,780,000	
850	20051371	Hoàng Văn Trà	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
851	20051374	Nguyễn Thị Thùy Trang	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
852	20051375	Nguyễn Thu Trang	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
853	20051385	Nguyễn Minh Tùng	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
854	20051207	Đặng Châu Anh	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
855	20051210	Lê Thủy Anh	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
856	20051213	Nguyễn Thu Anh	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
857	20051218	Phùng Thị Kim Anh	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
858	20051222	Trần Vũ Quỳnh Anh	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
859	20051226	Mai Đình Bình	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	

860	20051230	Tạ Minh Chi	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
861	20051234	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
862	20051239	Đặng Thái Duy	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
863	20051242	Lương Bình Dương	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	21,780,000	21,780,000	
864	20051246	Nguyễn Thành Đạt	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
865	20051250	Ngô Hoàng Giang	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
866	20051254	Lê Thu Hà	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
867	20051258	Trần Thu Hà	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
868	20051266	Nguyễn Thị Thúy Hằng	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
869	20051270	Đỗ Thị Thu Hoài	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
870	20051274	Phạm Thị Hồng Huệ	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	16,775,000	16,775,000	
871	20051278	Lại Thị Huyền	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
872	20051282	Nguyễn Thị Mai Hương	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
873	20051286	Nguyễn Thị Thúy Hường	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
874	20051290	Nguyễn Tùng Lâm	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
875	20051294	Nguyễn Phương Linh	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
876	20051306	Trần Hà My	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
877	20051309	Nguyễn Hải Nam	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	25,470,000	25,470,000	
878	20051314	Lê Thị Phương Nga	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	21,355,000	21,355,000	
879	20051317	Nguyễn Trịnh Kiều Ngân	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	16,775,000	16,775,000	
880	20051321	Lê Hồng Ngọc	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	16,775,000	16,775,000	
881	20051325	Trần Thị Minh Ngọc	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
882	20051333	Nguyễn Hà Phương	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	21,780,000	21,780,000	
883	20051341	Nguyễn Vũ Quang	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	
884	20051345	Nguyễn Ngọc Diễm Quỳnh	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	21,355,000	21,355,000	
885	20051352	Nghiêm Thu Thảo	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
886	20051356	Phùng Thị Nguyên Thảo	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
887	20051360	Xa Thị Diệu Thảo	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
888	20051364	Dương Hoài Thu	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
889	20051368	Mai Diễm Ngọc Thúy	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
890	20051372	Hà Phương Trang	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
891	20051377	Đặng Thị Ngọc Trâm	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
892	20051380	Trần Thị Thanh Trúc	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
893	20051386	Nguyễn Việt Tùng	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
894	20051389	Trần Thị Kiều Vân	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
895	20051390	Trần Tuấn Việt	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
896	20051393	Lều Thị Hải Yến	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
897	20051211	Nguyễn Quỳnh Anh	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
898	20051214	Nguyễn Trúc Mai Anh	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	21,780,000	21,780,000	
899	20051219	Trần Thị Phương Anh	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	
900	20051223	Vi Minh Anh	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
901	20051227	Cao Nguyễn Thùy Chi	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	22,480,000	22,480,000	
902	20051231	Trần Tú Quỳnh Chi	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
903	20051235	Nguyễn Quốc Dũng	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
904	20051238	Đỗ Lê Duy	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
905	20051243	Vũ Thị Bích Dương	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
906	20051247	Nguyễn Thị Minh Đức	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
907	20051251	Nguyễn Thị Hương Giang	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
908	20051255	Ngô Ngọc Hà	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
909	20051259	Lê Hồng Hạnh	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	
910	20051263	Bùi Thị Hào	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
911	20051267	Lê Thu Hiền	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	

912	20051271	Nguyễn Thị Hoài	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
913	20051275	Phạm Quang Huy	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
914	20051279	Nguyễn Ngọc Huyền	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
915	20051283	Nguyễn Thị Sông Hương	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
916	20051287	Ngô Trung Kiên	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	15,050,000	15,050,000	
917	20051295	Nguyễn Thị Khánh Linh	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	21,780,000	21,780,000	
918	20051299	Phạm Thị Mỹ Linh	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
919	20051303	Khổng Phương Mai	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
920	20051307	Trần Thị Trà My	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
921	20051310	Nguyễn Phương Nam	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	
922	20051315	Hà Thị Khánh Ngân	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	24,345,000	24,345,000	
923	20051318	Phạm Thanh Ngân	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
924	20051322	Nguyễn Hồng Ngọc	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
925	20051326	Vũ Như Ngọc	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
926	20051334	Nguyễn Mai Phương	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
927	20051342	Phạm Anh Quân	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
928	20051346	Nguyễn Thúy Quỳnh	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
929	20051349	Nguyễn Quang Thành	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
930	20051353	Nguyễn Phương Thảo	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
931	20051357	Tạ Thị Thảo	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
932	20051361	Lê Hữu Thắng	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
933	20051365	Trịnh Minh Thuận	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
934	20051369	Đặng Minh Thư	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
935	20051376	Đỗ Thị Ngọc Trâm	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
936	20051381	Nguyễn Bảo Trung	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
937	20050141	Nguyễn Thị Ngân	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
938	20051215	Nguyễn Tường Anh	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	24,485,000	24,485,000	
939	20051216	Phạm Minh Anh	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	21,355,000	21,355,000	
940	20051220	Trần Thị Quỳnh Anh	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
941	20051224	Vũ Ngọc Anh	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
942	20051228	Ngô Lan Chi	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
943	20051232	Hà Thị Kiều Diễm	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	14,070,000	14,070,000	
944	20051236	Nguyễn Tuấn Dũng	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
945	20051240	Ngô Đắc Thái Duy	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	
946	20051244	Cao Danh Tiến Đạt	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	20,065,000	20,065,000	
947	20051248	Đỗ Hương Giang	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	21,355,000	21,355,000	
948	20051252	Nguyễn Thị Thu Giang	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
949	20051256	Nguyễn Thị Hoàng Hà	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
950	20051260	Nghiêm Thị Hồng Hạnh	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
951	20051264	Nguyễn Thị Hào	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
952	20051268	Hoàng Xuân Hiếu	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
953	20051272	Trần Thế Hoàng	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
954	20051276	Bùi Thị Khánh Huyền	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
955	20051280	Nguyễn Thị Huyền	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
956	20051284	Phạm Mai Hương	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
957	20051288	Đinh Thanh Lam	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
958	20051292	Mai Thị Khánh Linh	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	21,355,000	21,355,000	
959	20051296	Nguyễn Thị Mỹ Linh	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
960	20051300	Vũ Hạnh Linh	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
961	20051304	Đỗ Kiều Minh	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
962	20051311	Nông Trung Nam	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
963	20051312	Dương Quỳnh Nga	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	

964	20051323	Nguyễn Lê Văn Ngọc	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
965	20051327	Võ Bùi Khôi Nguyên	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
966	20051331	Đỗ Thị Quỳnh Như	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
967	20051335	Nguyễn Thùy Phương	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	15,050,000	15,050,000	
968	20051339	Hồ Đắc Quang	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
969	20051343	Trịnh Minh Quân	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	20,065,000	20,065,000	
970	20051350	Lê Phương Thảo	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
971	20051355	Nguyễn Thanh Thảo	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
972	20051358	Trần Kiều Phương Thảo	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
973	20051362	Lê Văn Thắng	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
974	20051366	Nguyễn Thanh Thùy	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
975	20051370	Phạm Thị Thương	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	15,050,000	15,050,000	
976	20051378	Đoàn Xuân Trúc	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
977	20051384	Cao Việt Tùng	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
978	20051387	Vũ Hà Uyên	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
979	20051394	Ma Thị Hải Yến	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	
980	20051395	Nguyễn Thị Hải Yến	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
981	21050106	Lê Thanh Tâm	QH-2021-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
982	21051332	Đỗ Phương Anh	QH-2021-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
983	21051336	Lê Việt Anh	QH-2021-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	22,530,000	22,530,000	
984	21051339	Nguyễn Lê Hải Anh	QH-2021-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
985	21051347	Phạm Nam Anh	QH-2021-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
986	21051348	Phương Tuấn Anh	QH-2021-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
987	21051349	Trần Phương Anh	QH-2021-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
988	21051355	Trần Thanh Bình	QH-2021-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
989	21051356	Dương Quỳnh Hương Chi	QH-2021-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
990	21051359	Nguyễn Thùy Chi	QH-2021-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
991	21051360	Vũ Ngọc Chi	QH-2021-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	20,065,000	20,065,000	
992	21051365	Biện Anh Dũng	QH-2021-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	21,460,000	21,460,000	
993	21051370	Ngô Quang Dương	QH-2021-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	
994	21051373	Nguyễn Thùy Dương	QH-2021-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
995	21051379	Bùi Hương Giang	QH-2021-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
996	21051388	Hoàng Thị Hằng	QH-2021-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
997	21051403	Lê Thị Ngọc Huyền	QH-2021-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
998	21051409	Nguyễn Quốc Khánh	QH-2021-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
999	21051414	Trần Thanh Kiều	QH-2021-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1000	21051423	Phạm Phương Diệu Linh	QH-2021-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1001	21051429	Nguyễn Khánh Ly	QH-2021-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1002	21051430	Nguyễn Thị Hương Ly	QH-2021-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	16,050,000	16,050,000	
1003	21051431	Đình Ngọc Mai	QH-2021-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1004	21051433	Nguyễn Ngọc Mai	QH-2021-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1005	21051434	Đình Công Mạnh	QH-2021-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	21,780,000	21,780,000	
1006	21051435	Nguyễn Đức Mẫn	QH-2021-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1007	21051437	Nguyễn Hồng Minh	QH-2021-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1008	21051439	Đặng Thị Trà My	QH-2021-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1009	21051451	Nguyễn Bích Ngọc	QH-2021-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1010	21051452	Tạ Thị Hồng Ngọc	QH-2021-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1011	21051456	Đỗ Ngọc Bảo Nhi	QH-2021-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1012	21051459	Nguyễn Hiếu Nhi	QH-2021-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1013	21051465	Đỗ Minh Quân	QH-2021-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1014	21051468	Phan Thị Thảo Quyên	QH-2021-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1015	21051478	Nguyễn Thu Thảo	QH-2021-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	

1016	21051479	Trần Phương Thảo	QH-2021-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1017	21051480	Trần Phương Thảo	QH-2021-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1018	21051482	Trần Quang Thắng	QH-2021-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1019	21051502	Vũ Quỳnh Trang	QH-2021-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1020	21051503	Nguyễn Thị Hồng Trâm	QH-2021-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1021	21051506	Nguyễn Anh Tú	QH-2021-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1022	21051507	Đoàn Đức Thanh Tùng	QH-2021-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1023	21051513	Lê Khánh Vi	QH-2021-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1024	21051516	Nguyễn Lâm Khánh Vy	QH-2021-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1025	21051329	Đào Trọng An	QH-2021-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1026	21051334	Hồ Thị Lan Anh	QH-2021-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1027	21051338	Nguyễn Hàn Ngọc Anh	QH-2021-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1028	21051342	Nguyễn Phương Anh	QH-2021-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1029	21051345	Nguyễn Vũ Quỳnh Anh	QH-2021-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1030	21051351	Trần Quỳnh Anh	QH-2021-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1031	21051354	Nguyễn Ngọc Bảo	QH-2021-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1032	21051363	Ngô Thùy Dung	QH-2021-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1033	21051367	Nguyễn Đình Dũng	QH-2021-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	22,210,000	22,210,000	
1034	21051374	Nguyễn Thị Tâm Đan	QH-2021-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1035	21051377	Đoàn Ngọc Đức	QH-2021-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1036	21051381	Trần Thị Hương Giang	QH-2021-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1037	21051385	Vũ Hoàng Hải	QH-2021-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1038	21051392	Nguyễn Thị Hiền	QH-2021-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1039	21051395	Lê Huy Hoàng	QH-2021-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1040	21051398	Vương Huy Hoàng	QH-2021-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1041	21051401	Lương Minh Huế	QH-2021-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1042	21051405	Trần Ngọc Huyền	QH-2021-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1043	21051412	Tống Thị Hồng Khánh	QH-2021-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1044	21051416	Lê Khánh Linh	QH-2021-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1045	21051419	Nguyễn Phương Huyền Linh	QH-2021-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1046	21051426	Phạm Thùy Linh	QH-2021-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	23,275,000	23,275,000	
1047	21051432	Lý Ngọc Mai	QH-2021-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1048	21051440	Lê Thị Thảo My	QH-2021-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1049	21051446	Vũ Thị Nga	QH-2021-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1050	21051449	Vũ Hà Thảo Ngân	QH-2021-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	20,710,000	20,710,000	
1051	21051454	Mai Minh Nguyệt	QH-2021-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1052	21051458	Lê Thị Hồng Nhi	QH-2021-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1053	21051462	Nguyễn Thị Hà Phương	QH-2021-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1054	21051466	Phạm Hồng Quân	QH-2021-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1055	21051470	Đỗ Thị Diễm Quỳnh	QH-2021-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1056	21051473	Phan Nguyễn Ngọc Quỳnh	QH-2021-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1057	21051483	Phạm Thị Phương Thủy	QH-2021-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1058	21051486	Nguyễn Anh Thư	QH-2021-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	20,710,000	20,710,000	
1059	21051489	Nguyễn Mạnh Tiến	QH-2021-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1060	21051492	Lê Thị Linh Trang	QH-2021-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	15,050,000	15,050,000	
1061	21051495	Nguyễn Quỳnh Trang	QH-2021-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1062	21051498	Nguyễn Thu Trang	QH-2021-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1063	21051501	Trần Thị Thu Trang	QH-2021-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1064	21051508	Nguyễn Thị Phương Uyên	QH-2021-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1065	21051511	Nguyễn Thị Hồng Vân	QH-2021-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1066	21051515	Trần Nguyên Tịnh Vũ	QH-2021-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1067	21051330	Hoàng Thị Thanh An	QH-2021-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	

1068	21051335	Lê Thái Anh	QH-2021-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	
1069	21051340	Nguyễn Phạm Phương Anh	QH-2021-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1070	21051343	Nguyễn Thị Lan Anh	QH-2021-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1071	21051346	Phạm Hải Anh	QH-2021-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1072	21051352	Võ Phương Anh	QH-2021-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1073	21051357	Nguyễn Linh Chi	QH-2021-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1074	21051361	Nguyễn Ngọc Diệp	QH-2021-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1075	21051364	Nguyễn Thùy Dung	QH-2021-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1076	21051368	Nguyễn Việt Duy	QH-2021-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1077	21051375	Dương Tuấn Đạt	QH-2021-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1078	21051378	Nguyễn Anh Đức	QH-2021-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1079	21051382	Bùi Thu Hà	QH-2021-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1080	21051386	Vũ Thị Hồng Hạnh	QH-2021-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1081	21051390	Nguyễn Thị Hằng	QH-2021-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1082	21051393	Nguyễn Thục Hiền	QH-2021-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1083	21051399	Bùi Thị Hồng	QH-2021-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1084	21051402	Nguyễn An Huy	QH-2021-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1085	21051406	Nguyễn Thị Mai Hương	QH-2021-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1086	21051410	Nguyễn Văn Khánh	QH-2021-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1087	21051413	Tòng Thanh Kiên	QH-2021-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1088	21051417	Lê Thị Khánh Linh	QH-2021-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1089	21051420	Nguyễn Thị Khánh Linh	QH-2021-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	20,065,000	20,065,000	
1090	21051424	Phạm Thị Ngọc Linh	QH-2021-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1091	21051427	Đặng Kiều Loan	QH-2021-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1092	21051436	Nguyễn Đức Minh	QH-2021-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1093	21051441	Trần Ngọc My	QH-2021-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1094	21051444	Lê Thị Phương Nga	QH-2021-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1095	21051447	Nguyễn Thị Ngân	QH-2021-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1096	21051450	Đoàn Thị Hồng Ngọc	QH-2021-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1097	21051455	Trần Thị Nguyệt	QH-2021-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1098	21051460	Vũ Bá Lâm Nhi	QH-2021-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1099	21051463	Nguyễn Thị Thu Phương	QH-2021-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1100	21051467	Nguyễn Thế Quý	QH-2021-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1101	21051471	Đào Thị Thảo Quỳnh	QH-2021-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1102	21051474	Nguyễn Thị Hà Sương	QH-2021-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1103	21051477	Nguyễn Thị Thảo	QH-2021-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1104	21051484	Cao Ngọc Phương Thủy	QH-2021-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1105	21051487	Vũ Thanh Thư	QH-2021-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1106	21051490	Bùi Thu Trang	QH-2021-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1107	21051493	Lê Thị Linh Trang	QH-2021-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1108	21051496	Nguyễn Quỳnh Trang	QH-2021-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1109	21051499	Phan Thị Quỳnh Trang	QH-2021-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1110	21051504	Nguyễn Phạm Lan Trinh	QH-2021-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1111	21051512	Nguyễn Thị Vân	QH-2021-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1112	21051517	Hoàng Thị Hải Yến	QH-2021-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1113	21050115	Hoàng Thị Quỳnh Trang	QH-2021-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1114	21051331	Phạm Hoàng An	QH-2021-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1115	21051337	Nguyễn Duy Anh	QH-2021-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1116	21051341	Nguyễn Phương Anh	QH-2021-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1117	21051344	Nguyễn Thị Mai Anh	QH-2021-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1118	21051350	Trần Phương Anh	QH-2021-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1119	21051353	Lưu Ngọc Ánh	QH-2021-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	

1120	21051358	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	QH-2021-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1121	21051362	Vũ Hương Dịu	QH-2021-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1122	21051366	Hoàng Việt Dũng	QH-2021-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1123	21051369	Lê Thùy Dương	QH-2021-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1124	21051380	Đoàn Thị Ninh Giang	QH-2021-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1125	21051383	Nguyễn Thị Thu Hải	QH-2021-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1126	21051387	Hà Nguyễn Thu Hằng	QH-2021-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1127	21051391	Lê Thúy Hiền	QH-2021-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1128	21051394	Nguyễn Xuân Hòa	QH-2021-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1129	21051397	Phạm Trung Hoàng	QH-2021-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1130	21051400	Nguyễn Thuý Hồng	QH-2021-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1131	21051404	Phạm Ngọc Huyền	QH-2021-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1132	21051407	Đặng Thiện Khánh	QH-2021-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	
1133	21051411	Phan Ngọc Khánh	QH-2021-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	
1134	21051415	Nguyễn Thị Ngọc Lan	QH-2021-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1135	21051418	Nguyễn Nga Linh	QH-2021-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1136	21051425	Phạm Thùy Linh	QH-2021-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1137	21051428	Nguyễn Thị Quỳnh Loan	QH-2021-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1138	21051438	Vũ Hoàng Ngọc Minh	QH-2021-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1139	21051442	Trịnh Huyền My	QH-2021-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1140	21051445	Tống Thị Nga	QH-2021-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1141	21051448	Phạm Thị Khánh Ngân	QH-2021-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1142	21051453	Trần Bảo Ngọc	QH-2021-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1143	21051457	Lê Ngọc Nhi	QH-2021-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1144	21051461	Nguyễn Hồng Nhung	QH-2021-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1145	21051464	Vũ Lan Phương	QH-2021-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1146	21051469	Bùi Thị Diễm Quỳnh	QH-2021-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1147	21051472	Nguyễn Hải Quỳnh	QH-2021-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1148	21051475	Ngô Đức Thành	QH-2021-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1149	21051481	Trần Thị Phương Thảo	QH-2021-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1150	21051485	Nghiêm Ngọc Hạnh Thuyên	QH-2021-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1151	21051488	Nguyễn Thùy Tiên	QH-2021-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1152	21051491	Lê Huyền Trang	QH-2021-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1153	21051494	Lại Thùy Trang	QH-2021-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1154	21051497	Nguyễn Thu Trang	QH-2021-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1155	21051500	Trần Thị Hoài Trang	QH-2021-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1156	21051505	Lê Thị Cẩm Tú	QH-2021-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1157	21051509	Phan Thị Kiều Uyên	QH-2021-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1158	21051514	Bùi Hoàng Việt	QH-2021-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
		Kinh tế quốc tế	621			
1159	20050955	Quách Huyền Trang	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1160	18050429	Đỗ Quang Dũng	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	7,490,000	7,490,000	
1161	18050471	Nguyễn Mai Hương	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	57,865,000	57,865,000	
1162	19051213	Phan Thị Thu Thảo	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	3,855,000	3,855,000	
1163	19051303	Nguyễn Phú Đại	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,020,000	17,020,000	
1164	19051260	Phạm Anh Vũ	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	19,110,000	19,110,000	
1165	19051278	Nguyễn Minh Hiền	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	6,580,000	6,580,000	
1166	19051087	Trần Đức Hoàng	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	12,690,000	12,690,000	
1167	20050041	Dương Nguyên Anh	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1168	20050046	Nguyễn Quốc Anh	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1169	20050048	Nguyễn Thị Lan Anh	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1170	20050060	Đỗ Xuân Đạt	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	

1171	20050062	Bùi Văn Đức	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1172	20050065	Nguyễn Mạnh Đức	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1173	20050067	Mạc Thị Phương Dung	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1174	20050071	Đỗ Việt Dũng	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1175	20050074	Trần Anh Dũng	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1176	20050079	Lê Thúy Giang	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1177	20050086	Trần Thúy Hiền	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1178	20050092	Trần Huy Hoàng	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	21,355,000	21,355,000	
1179	20050095	Phạm Phi Hùng	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1180	20050096	Vũ Đình Hùng	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1181	20050098	Trần Khắc Hưng	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	27,715,000	27,715,000	
1182	20050102	Nguyễn Thu Hương	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1183	20050103	Bùi Thiện Huy	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1184	20050106	Phạm Quang Huy	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1185	20050112	Phan Tuấn Kiệt	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1186	20050115	Phạm Hải Lâm	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1187	20050121	Nguyễn Hoàng Linh	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	
1188	20050124	Phùng Quang Linh	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	39,825,000	39,825,000	
1189	20050126	Thào Diệp Linh	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1190	20050129	Hoàng Yến Ly	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1191	20050132	Đỗ Phương Mai	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1192	20050142	Trần Thị Hồng Ngân	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1193	20050144	Trần Hồng Ngọc	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	21,355,000	21,355,000	
1194	20050146	Nguyễn Duy Nhất	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1195	20050148	Nguyễn Thị Kiều Oanh	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1196	20050150	Bùi Vũ Quốc Phúc	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1197	20050154	Phùng Diễm Quỳnh	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1198	20050156	Trần Đức Tâm	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1199	20050158	Nguyễn Ngọc Huyền	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1200	20050160	Nguyễn Phương Thảo	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1201	20050162	Lê Hà Thu	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1202	20050164	Vũ Minh Thư	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1203	20050166	Trần Ngọc Hoài Thương	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1204	20050169	Hà Thị Thu Trang	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1205	20050172	Lò Ngọc Huyền Trang	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1206	20050175	Đình Anh Trung	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1207	20050177	Đỗ Hoàng Tùng	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1208	20050040	Đình Tiến Anh	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1209	20050044	Lương Minh Anh	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1210	20050047	Nguyễn Thị Lan Anh	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1211	20050050	Trần Hồng Anh	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	29,065,000	29,065,000	
1212	20050061	Hoàng Tiến Đạt	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	
1213	20050063	Đàm Thái Đức	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1214	20050068	Nguyễn Phương Dung	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1215	20050073	Lê Tuấn Dũng	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1216	20050075	Nguyễn Thùy Dương	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1217	20050084	Tạ Thu Hà	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1218	20050087	Trần Duy Hiền	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1219	20050091	Nguyễn Việt Hoàng	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1220	20050094	Trần Vũ Hoàng	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	
1221	20050097	Lại Việt Hưng	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1222	20050101	Nguyễn Thu Hương	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	

1223	20050110	Nguyễn Khuê	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	25,045,000	25,045,000	
1224	20050111	Nguyễn Vũ Trung Kiên	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	32,920,000	32,920,000	
1225	20050117	Đào Phương Linh	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1226	20050120	Nguyễn Hằng Khánh Linh	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1227	20050123	Nguyễn Thị Thảo Linh	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1228	20050125	Phùng Thị Nhật Linh	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	19,750,000	19,750,000	
1229	20050127	Vũ Phương Linh	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1230	20050130	Vũ Cẩm Ly	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1231	20050135	Trần Phương Mai	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1232	20050143	Vũ Bùi Hoàng Ngân	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1233	20050145	Vũ Minh Ngọc	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1234	20050147	Lê Nguyễn Hoàng Nhi	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1235	20050149	Trần Hải Phong	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1236	20050151	Nguyễn Hà Phương	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1237	20050155	Nguyễn Thái Sơn	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	
1238	20050161	Chu Quỳnh Thi	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1239	20050165	Lê Huyền Thương	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	32,815,000	32,815,000	
1240	20050168	Bùi Hạnh Trang	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1241	20050171	Lê Thị Hiền Trang	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	25,690,000	25,690,000	
1242	20050173	Trần Thị Thu Trang	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1243	20050176	Đặng Thanh Tùng	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1244	20050180	Vũ Hồng Vân	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1245	20050183	Đặng Minh Vũ	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	
1246	20050897	Đỗ Vũ Bích Ngọc	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1247	20050018	Phạm Thị Phương Thảo	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1248	20050024	Phan Anh Hoàng	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1249	20050741	Vũ Hồng An	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1250	20050749	Đinh Thị Nhật Anh	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1251	20050751	Giáp Thị Vân Anh	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1252	20050760	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	
1253	20050762	Nguyễn Tuấn Anh	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1254	20050766	Trần Minh Anh	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1255	20050776	Trịnh Thị Minh Ánh	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1256	20050781	Đỗ Thị Châm	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1257	20050786	Vy Ngọc Diệp	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1258	20050791	Đặng Hồng Dương	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	21,355,000	21,355,000	
1259	20050796	Vũ Hải Đăng	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1260	20050801	Phan Minh Đức	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1261	20050806	Đoàn Thị Hương Giang	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1262	20050811	Kiều Nguyệt Hà	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1263	20050816	Nguyễn Thị Hạnh	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1264	20050821	Tạ Thanh Hằng	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1265	20050826	Vũ Thu Hiền	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1266	20050831	Nguyễn Thị Thu Hoài	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1267	20050836	Phạm Quang Huy	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1268	20050841	Nguyễn Khánh Huyền	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	21,355,000	21,355,000	
1269	20050846	Nguyễn Thị Thu Huyền	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1270	20050851	Phạm Thu Hương	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1271	20050856	Nguyễn Thị Thu Lan	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1272	20050861	Dương Ngọc Huyền Linh	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1273	20050866	Nguyễn Thị Khánh Linh	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1274	20050871	Trần Thị Diệu Linh	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	

1275	20050876	Nguyễn Thị Lý	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1276	20050881	Phạm Thị Ngọc Mai	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1277	20050886	Bùi Nguyễn Huyền My	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1278	20050895	Hoàng Thị Thu Ngân	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	
1279	20050905	Vũ Thị Nhâm	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1280	20050909	Nguyễn Thị Hồng Nhung	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1281	20050912	Nguyễn Thị Minh Nụ	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1282	20050916	Nguyễn Lan Phương	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1283	20050921	Trịnh Lê Minh Phương	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1284	20050926	Đình Công Thái Sơn	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	21,780,000	21,780,000	
1285	20050933	Lê Thị Thảo	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1286	20050938	Nguyễn Thị Thắm	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1287	20050953	Phạm Lê Quỳnh Trang	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1288	20050954	Phạm Thu Trang	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	21,355,000	21,355,000	
1289	20050958	Tạ Hùng Trường	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	23,920,000	23,920,000	
1290	20050961	Trần Ánh Tuyết	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1291	20050966	Vũ Thị Bích Việt	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1292	20050009	Nguyễn Văn Chi	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1293	20050020	Nguyễn Trang Nhung	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1294	20050025	Phạm Thanh Huyền	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1295	20050742	Bùi Quỳnh Anh	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1296	20050750	Đoàn Thị Hương Anh	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1297	20050752	Nguyễn Hoàng Thục Anh	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1298	20050756	Nguyễn Thị Hải Anh	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1299	20050761	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1300	20050767	Trần Thị Minh Anh	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1301	20050772	Vũ Tuyết Anh	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	16,775,000	16,775,000	
1302	20050777	Hoàng Thái Bảo	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1303	20050782	Nguyễn Minh Châu	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1304	20050787	Hoàng Thùy Dung	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	
1305	20050792	Hồ Phạm Thùy Dương	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1306	20050797	Lê Văn Đức	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1307	20050802	Trần Thị Hồng Gấm	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1308	20050807	Hoàng Băng Giang	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	22,530,000	22,530,000	
1309	20050812	Nguyễn Thu Hà	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1310	20050817	Nguyễn Thị Hạnh	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1311	20050822	Võ Thị Minh Hằng	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1312	20050832	Nguyễn Thu Hoài	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1313	20050837	Trần Quang Huy	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1314	20050842	Nguyễn Thị Huyền	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1315	20050847	Phùng Khánh Huyền	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1316	20050852	Trịnh Thị Lan Hương	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1317	20050857	Vũ Thị Lâm	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1318	20050862	Đình Thị Thùy Linh	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1319	20050868	Phạm Khánh Linh	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1320	20050872	Lê Thị Thanh Loan	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1321	20050877	Bùi Ngọc Mai	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1322	20050882	Trần Nhật Mai	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1323	20050887	Đỗ Trà My	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	21,355,000	21,355,000	
1324	20050891	Dương Thị Hằng Nga	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1325	20050901	Trần Châu Ánh Ngọc	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1326	20050906	Bùi Huyền Nhi	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	14,070,000	14,070,000	

1327	20050911	Nguyễn Trúc Anh Nhung	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1328	20050922	Vũ Thu Phương	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1329	20050927	Vũ Đức Sơn	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1330	20050929	Bùi Phương Thảo	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1331	20050934	Nguyễn Phương Thảo	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1332	20050944	Nguyễn Ngọc Thư	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1333	20050949	Lưu Thị Thu Trà	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1334	20050962	Hoàng Thị Tú Uyên	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1335	20050002	Âu Thị Thanh Hiệp	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	14,070,000	14,070,000	
1336	20050011	Nguyễn Hương Giang	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1337	20050021	Nguyễn Lê Minh Hằng	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	20,065,000	20,065,000	
1338	20050026	Vũ Thị Quỳnh Hương	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1339	20050037	Nguyễn Thị Anh Thơ	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1340	20050743	Bùi Thị Phương Anh	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1341	20050744	Đỗ Diệp Anh	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1342	20050753	Nguyễn Lan Anh	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1343	20050757	Nguyễn Thị Mai Anh	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1344	20050763	Nguyễn Văn Tuấn Anh	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1345	20050768	Trần Thị Minh Anh	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1346	20050773	Đỗ Thị Minh Ánh	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1347	20050778	Phạm Nguyên Bình	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1348	20050783	Nguyễn Phương Chi	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	20,065,000	20,065,000	
1349	20050793	Phạm Thuý Dương	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1350	20050798	Nguyễn Bá Đức	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1351	20050803	Bùi Thị Hương Giang	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1352	20050808	Nguyễn Thị Thùy Giang	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1353	20050813	Đặng Hoàng Hải	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1354	20050818	Trần Đình Hạnh	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	16,880,000	16,880,000	
1355	20050823	Nguyễn Thị Bảo Hân	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1356	20050828	Nguyễn Minh Hiếu	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	16,775,000	16,775,000	
1357	20050833	Vũ Thị Hoài	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1358	20050838	Đường Thu Huyền	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1359	20050843	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1360	20050848	Trần Trung Hưng	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1361	20050853	Mâu Minh Khải	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1362	20050858	Nguyễn Thị Phương Liên	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1363	20050863	Lê Phương Linh	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1364	20050869	Phạm Thị Khánh Linh	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1365	20050873	Ngô Thị Bích Loan	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1366	20050878	Đinh Hoàng Linh Mai	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1367	20050883	Nguyễn Ngọc Minh	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1368	20050888	Lê Na	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1369	20050892	Đỗ Thị Nga	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1370	20050907	Phạm Mai Nhi	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	
1371	20050913	Vũ Hoàng Oanh	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	
1372	20050918	Phạm Minh Phương	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1373	20050923	Vũ Thị Đan Phượng	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1374	20050928	Đỗ Thanh Tâm	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1375	20050930	Bùi Phương Thảo	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1376	20050935	Phạm Thị Phương Thảo	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1377	20050940	Nguyễn Đức Thắng	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1378	20050947	Nguyễn Thanh Thư	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	

1379	20050963	Nguyễn Thị Thu Uyên	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1380	20050971	Nguyễn Hải Yến	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1381	20050022	Đỗ Thị Ánh	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1382	20050027	Doãn Xuân Lâm	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1383	20050033	Ngô Đức Thành	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1384	20050034	Nguyễn Thanh Thảo	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1385	20050745	Đỗ Hồng Anh	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	20,415,000	20,415,000	
1386	20050747	Đào Phương Anh	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	20,710,000	20,710,000	
1387	20050754	Nguyễn Minh Anh	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1388	20050764	Phạm Tú Anh	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1389	20050769	Trương Hải Anh	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	14,070,000	14,070,000	
1390	20050774	Đỗ Thị Minh Ánh	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1391	20050779	Vũ Nguyên Bình	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1392	20050789	Vũ Bá Duy	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1393	20050794	Trịnh Thùy Dương	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1394	20050799	Nguyễn Minh Đức	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1395	20050809	Vũ Thị Hồng Giang	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1396	20050824	Trần Lê Hân	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1397	20050829	Phạm Trung Hiếu	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1398	20050834	Vũ Lê Hoàng	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	21,355,000	21,355,000	
1399	20050839	Lê Thương Huyền	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1400	20050844	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1401	20050849	Đỗ Lan Hương	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1402	20050854	Dương Nguyễn Long Khánh	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1403	20050859	Bạch Khánh Linh	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1404	20050870	Phạm Thùy Linh	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1405	20050874	Trần Đức Long	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1406	20050879	Nguyễn Phương Mai	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1407	20050884	Nguyễn Quý Minh	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1408	20050889	Bùi Nhật Nam	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1409	20050893	Nguyễn Phương Nga	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1410	20050898	Lương Minh Ngọc	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1411	20050903	Trần Thị Ánh Ngọc	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1412	20050908	Trịnh Yến Nhi	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	
1413	20050919	Phạm Thị Hà Phương	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1414	20050924	Nguyễn Thuỳ Quyên	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1415	20050931	Cao Phương Thảo	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1416	20050936	Trần Hà Ngọc Thảo	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1417	20050941	Dương Thị Thu	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1418	20050945	Nguyễn Thị Anh Thư	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1419	20050956	Nguyễn Mạnh Trường	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1420	20050959	Phan Phương Tú	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1421	20050964	Phạm Thị Thu Uyên	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1422	20050969	Nguyễn Thị Xuyên	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1423	20050017	Lê Nguyễn Phương Nga	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1424	20050023	Nguyễn Thu Hà	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1425	20050032	Lê Dương Tùng	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1426	20050746	Đỗ Nguyễn Văn Anh	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1427	20050748	Đinh Thị Ngọc Anh	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	
1428	20050759	Nguyễn Thị Phương Anh	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1429	20050765	Phùng Lê Anh	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1430	20050770	Trương Thị Tú Anh	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	

1431	20050775	Nguyễn Thị Ánh	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1432	20050780	Bùi Thị Ngọc Châm	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1433	20050785	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1434	20050790	Nguyễn Mỹ Duyên	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1435	20050795	Nguyễn Thị Đào	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1436	20050800	Nguyễn Việt Đức	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1437	20050805	Đoàn Hương Giang	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1438	20050810	Dương Minh Hà	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	20,065,000	20,065,000	
1439	20050815	Nguyễn Thị Thanh Hải	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1440	20050825	Nguyễn Thu Hiền	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1441	20050830	Đoàn Thị Hoài	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1442	20050835	Kiều Quang Huy	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1443	20050840	Lưu Khánh Huyền	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1444	20050845	Nguyễn Thị Thu Huyền	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1445	20050850	Nguyễn Thị Hương	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1446	20050855	Phạm Minh Khoa	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1447	20050865	Nguyễn Khánh Linh	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1448	20050867	Phan Thị Thủy Linh	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	15,050,000	15,050,000	
1449	20050880	Phạm Kiều Mai	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1450	20050885	Phạm Huyền Minh	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1451	20050890	Nguyễn Hoài Nam	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	
1452	20050894	Nguyễn Thị Ngà	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1453	20050904	Ngô Thị Thanh Nhân	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1454	20050910	Nguyễn Thị Nhung	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1455	20050915	Phạm Xuân Ngọc Phước	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1456	20050920	Trần Minh Phương	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1457	20050925	Bùi Phương Quỳnh	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	21,355,000	21,355,000	
1458	20050932	Lê Thị Thảo	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1459	20050937	Trịnh Thu Thảo	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1460	20050939	Nguyễn Bảo Thắng	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1461	20050942	Phạm Thanh Thủy	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1462	20050946	Nguyễn Thị Oanh Thư	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1463	20050952	Nguyễn Thu Trang	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1464	20050957	Nguyễn Việt Mạnh Trường	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1465	20050960	Nguyễn Thị Kim Tuyền	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1466	20050965	Nguyễn Thị Ánh Vân	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	21,355,000	21,355,000	
1467	20050967	Lâm Khánh Vy	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	15,195,000	15,195,000	
1468	20050970	Đoàn Thị Yên	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	16,775,000	16,775,000	
1469	21050083	Đặng Quỳnh Chi	QH-2021-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1470	21050085	Trần Mỹ Hạnh	QH-2021-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1471	21050087	Phạm Thị Kim Khánh	QH-2021-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1472	21050088	Nguyễn Thị Diệu Linh	QH-2021-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1473	21050090	Nguyễn Hoàng Quân	QH-2021-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1474	21050091	Nguyễn Thị Băng Tâm	QH-2021-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	
1475	21050092	Đinh Thanh Thảo	QH-2021-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1476	21050093	Bùi Minh Trang	QH-2021-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1477	21050094	Lê Thị Trang	QH-2021-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1478	21050107	Dương Quang Minh	QH-2021-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1479	21050108	Phan Đức Tháo Nguyên	QH-2021-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1480	21050111	Lương Linh Nga	QH-2021-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1481	21050112	Lê Đức Phú	QH-2021-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1482	21050758	Nguyễn Hoài An	QH-2021-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	

1483	21050762	Cần Ngọc Anh	QH-2021-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1484	21050807	Nguyễn Thị Hồng Chuyên	QH-2021-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1485	21050834	Hoàng Bằng Giang	QH-2021-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1486	21050840	Trịnh Phương Giang	QH-2021-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1487	21050853	Vũ Đỗ Anh Hào	QH-2021-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1488	21050858	Trần Công Hiếu	QH-2021-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1489	21050861	Đào Thị Thu Hoài	QH-2021-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1490	21050865	Nguyễn Ngọc Hoàng	QH-2021-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1491	21050878	Nguyễn Thị Huyền	QH-2021-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1492	21050884	Vũ Thu Huyền	QH-2021-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1493	21050885	Tạ Tương Mạnh Huỳnh	QH-2021-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1494	21050900	Tô Ngọc Lan	QH-2021-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1495	21050909	Lê Văn Linh	QH-2021-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1496	21050913	Nguyễn Khánh Linh	QH-2021-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	
1497	21050927	Dương Thanh Mai	QH-2021-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1498	21050967	Bùi Yến Nhi	QH-2021-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1499	21050976	Nguyễn Mạnh Phú	QH-2021-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1500	21050982	Nguyễn Nam Phương	QH-2021-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1501	21050985	Nguyễn Thị Thu Phương	QH-2021-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1502	21050993	Trần Lưu Quang	QH-2021-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1503	21050994	Đinh Phương Quốc	QH-2021-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1504	21051016	Trần Thu Thảo	QH-2021-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1505	21051018	Võ Thị Thu Thảo	QH-2021-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1506	21051023	Phạm Minh Thu	QH-2021-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1507	21051032	Bạch Huy Tiến	QH-2021-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1508	21051038	Đỗ Thị Huyền Trang	QH-2021-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1509	21051042	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	QH-2021-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1510	21050776	Nguyễn Vũ Văn Anh	QH-2021-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1511	21050779	Phạm Quỳnh Anh	QH-2021-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1512	21050785	Trương Thị Quỳnh Anh	QH-2021-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1513	21050789	Đỗ Thị Ánh	QH-2021-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1514	21050793	Mai Lâm Thanh Bình	QH-2021-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1515	21050794	Nguyễn Huy Bình	QH-2021-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1516	21050800	Dương Văn Chi	QH-2021-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1517	21050812	Nguyễn Thị Thùy Dung	QH-2021-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1518	21050813	Nguyễn Anh Dũng	QH-2021-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1519	21050817	Nguyễn Thị Duyên	QH-2021-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1520	21050820	Đào Quý Dương	QH-2021-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1521	21050821	Hoàng Ánh Dương	QH-2021-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1522	21050825	Nguyễn Văn Dương	QH-2021-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1523	21050832	Bùi Thị Hương Giang	QH-2021-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1524	21050835	Lê Thị Giang	QH-2021-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1525	21050837	Nguyễn Thị Hương Giang	QH-2021-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1526	21050839	Trần Long Giang	QH-2021-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1527	21050843	Nguyễn Thị Ngọc Hà	QH-2021-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1528	21050866	Hà Thu Hồng	QH-2021-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1529	21050870	Ngô Thị Kim Huế	QH-2021-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1530	21050874	Hoàng Thanh Huyền	QH-2021-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1531	21050877	Nguyễn Khánh Huyền	QH-2021-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1532	21050891	Nguyễn Thúy Hường	QH-2021-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1533	21050893	Vũ An Khanh	QH-2021-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	
1534	21050907	Lê Thị Hải Linh	QH-2021-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	

1535	21050917	Nguyễn Thùy Linh	QH-2021-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1536	21050926	Phan Khánh Ly	QH-2021-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1537	21050938	Lưu Huy Minh	QH-2021-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1538	21050958	Đoàn Minh Ngọc	QH-2021-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1539	21050973	Hoàng Thị Ngọc Oanh	QH-2021-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1540	21050977	Đông Thị Minh Phương	QH-2021-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1541	21050979	Lê Thị Thu Phương	QH-2021-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1542	21050984	Nguyễn Thị Thu Phương	QH-2021-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1543	21050990	Vũ Thu Phương	QH-2021-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1544	21051003	Phạm Thị Như Quỳnh	QH-2021-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1545	21051008	Cao Trí Thành	QH-2021-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	
1546	21051020	Trần Công Thắng	QH-2021-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1547	21051034	Nguyễn Phú Toàn	QH-2021-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1548	21051035	Nguyễn Thị Thu Trà	QH-2021-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1549	21051036	Vũ Hồng Trà	QH-2021-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1550	21051043	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	QH-2021-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1551	21051046	Phạm Thị Phương Trang	QH-2021-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1552	21051047	Hoàng Bảo Trâm	QH-2021-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1553	21051048	Nguyễn Ngọc Trâm	QH-2021-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1554	21051055	Nguyễn Minh Tú	QH-2021-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1555	21051069	Hoàng Thị Nhã Yên	QH-2021-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1556	21050759	Nguyễn Thái Khánh An	QH-2021-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1557	21050770	Nguyễn Quỳnh Anh	QH-2021-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1558	21050775	Nguyễn Thị Vân Anh	QH-2021-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1559	21050782	Trần Phương Anh	QH-2021-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1560	21050788	Vũ Tuấn Anh	QH-2021-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1561	21050796	Bùi Bảo Châu	QH-2021-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1562	21050802	Ngô Thị Chi	QH-2021-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1563	21050816	Lương Thị Hồng Duyên	QH-2021-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1564	21050824	Nguyễn Thùy Dương	QH-2021-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1565	21050830	Đặng Bạch Đăng	QH-2021-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1566	21050841	Hoàng Thị Nguyệt Hà	QH-2021-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1567	21050847	Vũ Ngọc Hà	QH-2021-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1568	21050852	Nông Hồng Hạnh	QH-2021-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1569	21050859	Hà Thị Hoa	QH-2021-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1570	21050868	Nguyễn Thị Hồng	QH-2021-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1571	21050875	Nghiêm Thanh Huyền	QH-2021-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1572	21050883	Vũ Thanh Huyền	QH-2021-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1573	21050890	Đỗ Thị Bích Hường	QH-2021-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1574	21050897	Nguyễn Thị Hồng Lam	QH-2021-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1575	21050903	Bùi Thị Ngọc Linh	QH-2021-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	20,065,000	20,065,000	
1576	21050910	Lưu Ngọc Linh	QH-2021-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1577	21050916	Nguyễn Thùy Linh	QH-2021-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1578	21050922	Trần Ngọc Linh	QH-2021-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1579	21050929	Nguyễn Thị Ngọc Mai	QH-2021-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1580	21050934	Tổng Văn Mạnh	QH-2021-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1581	21050942	Hà Thị Trà My	QH-2021-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1582	21050947	Vũ Văn Nam	QH-2021-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1583	21050952	Nguyễn Mai Ngân	QH-2021-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	
1584	21050963	Trần Thị Minh Ngọc	QH-2021-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1585	21050969	Dương Hồng Nhung	QH-2021-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1586	21050978	Đặng Thanh Phương	QH-2021-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	

1587	21050988	Nguyễn Thu Phương	QH-2021-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1588	21050996	Lê Văn Quý	QH-2021-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1589	21051001	Bùi Thị Quỳnh	QH-2021-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1590	21051007	Uông Giang Thanh	QH-2021-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1591	21051013	Nguyễn Phương Thảo	QH-2021-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1592	21051026	Trần Diệu Thủy	QH-2021-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1593	21051041	Ngô Trần Hà Trang	QH-2021-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	14,070,000	14,070,000	
1594	21051052	Nguyễn Mạnh Trung	QH-2021-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1595	21051058	Hồ Thị Tô Uyên	QH-2021-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1596	21051063	Nguyễn Thị Thanh Vân	QH-2021-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1597	21051068	Phạm Thu Xuân	QH-2021-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1598	21051074	Trương Hải Yến	QH-2021-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1599	21050760	Phạm Thị Trung An	QH-2021-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	
1600	21050766	Lương Thị Phương Anh	QH-2021-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1601	21050771	Nguyễn Quỳnh Anh	QH-2021-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1602	21050777	Ninh Thị Phương Anh	QH-2021-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1603	21050783	Trần Thị Ngọc Anh	QH-2021-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1604	21050790	Hà Ngọc Bích	QH-2021-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1605	21050797	Đào Thị Minh Châu	QH-2021-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1606	21050803	Nguyễn Linh Chi	QH-2021-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1607	21050809	Nguyễn Văn Công	QH-2021-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1608	21050818	Nguyễn Thị Hồng Duyên	QH-2021-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1609	21050826	Nguyễn Thị Anh Đài	QH-2021-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1610	21050831	Bùi Hương Giang	QH-2021-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1611	21050842	Hoàng Vân Hà	QH-2021-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1612	21050848	Nguyễn Thị Ngân Hạ	QH-2021-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1613	21050854	Trần Thị Hao	QH-2021-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1614	21050860	Phan Đức Hòa	QH-2021-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1615	21050864	Nguyễn Thị Thu Hoài	QH-2021-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1616	21050869	Mạc Thị Minh Huệ	QH-2021-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1617	21050886	Phạm Khánh Hưng	QH-2021-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	14,070,000	14,070,000	
1618	21050892	Nguyễn Mai Hương	QH-2021-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	21,780,000	21,780,000	
1619	21050898	Bùi Vũ Mai Lan	QH-2021-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1620	21050904	Chu Khánh Linh	QH-2021-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1621	21050911	Ngô Khánh Linh	QH-2021-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1622	21050918	Nguyễn Thùy Linh	QH-2021-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1623	21050923	Phạm Thị Bích Loan	QH-2021-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1624	21050930	Phạm Thị Thanh Mai	QH-2021-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1625	21050937	Lê Quý Tuấn Minh	QH-2021-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1626	21050948	Nguyễn Hằng Nga	QH-2021-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1627	21050953	Phan Thị Kim Ngân	QH-2021-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1628	21050959	Lê Thị Ngọc	QH-2021-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1629	21050964	Trần Thị Ngọc	QH-2021-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1630	21050970	Đào Thị Phương Nhung	QH-2021-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1631	21050980	Lưu Thị Mai Phương	QH-2021-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1632	21050989	Phạm Lê Anh Phương	QH-2021-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1633	21050997	Bùi Thị Thu Quyên	QH-2021-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	15,050,000	15,050,000	
1634	21051002	Nguyễn Như Quỳnh	QH-2021-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1635	21051009	Bạch Phương Thảo	QH-2021-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1636	21051014	Nguyễn Thị Phương Thảo	QH-2021-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1637	21051021	Trần Thị Thơ	QH-2021-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1638	21051027	Nguyễn Thị Thủy	QH-2021-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	

1639	21051033	Đinh Trọng Khánh Toàn	QH-2021-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1640	21051044	Nguyễn Thị Trang	QH-2021-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1641	21051053	Nguyễn Thành Trung	QH-2021-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1642	21051059	Nguyễn Ngọc Thu Uyên	QH-2021-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1643	21051064	Ngô Quang Vinh	QH-2021-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1644	21051070	Đặng Hải Yến	QH-2021-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1645	21050109	Nguyễn Văn Huyền	QH-2021-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1646	21050761	Bùi Hà Anh	QH-2021-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1647	21050767	Ngô Thị Tú Anh	QH-2021-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1648	21050772	Nguyễn Quỳnh Anh	QH-2021-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1649	21050778	Phạm Phương Anh	QH-2021-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1650	21050791	Lưu Thị Kim Bích	QH-2021-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1651	21050798	Trần Hà Huyền Châu	QH-2021-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1652	21050804	Phạm Kim Chi	QH-2021-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1653	21050811	Vũ Mạnh Cường	QH-2021-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1654	21050819	Doãn Thuỳ Dương	QH-2021-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1655	21050827	Nguyễn Tiến Đạt	QH-2021-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	
1656	21050833	Đỗ Thị Hương Giang	QH-2021-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1657	21050844	Nguyễn Thu Hà	QH-2021-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1658	21050849	Nguyễn Thị Thanh Hải	QH-2021-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1659	21050855	Nguyễn Thị Hằng	QH-2021-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1660	21050862	Lê Hoài	QH-2021-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1661	21050871	Nguyễn Thị Huệ	QH-2021-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1662	21050880	Nguyễn Thị Thanh Huyền	QH-2021-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	
1663	21050887	Hoàng Thị Lan Hương	QH-2021-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1664	21050894	Nguyễn Minh Khánh	QH-2021-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1665	21050899	Lê Hoàng Lan	QH-2021-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	20,710,000	20,710,000	
1666	21050905	Cần Phương Linh	QH-2021-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1667	21050912	Nguyễn Diệu Linh	QH-2021-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1668	21050919	Nguyễn Văn Linh	QH-2021-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1669	21050924	Chu Thị Lượng	QH-2021-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1670	21050931	Phạm Tú Mai	QH-2021-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1671	21050944	Dương Hải Nam	QH-2021-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1672	21050949	Phạm Hoàng Nga	QH-2021-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1673	21050955	Vũ Thị Thu Ngân	QH-2021-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1674	21050960	Lê Thành Ngọc	QH-2021-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	
1675	21050965	Lê Thị Thanh Nhân	QH-2021-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1676	21050971	Trần Thị Hồng Nhung	QH-2021-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1677	21050981	Ngô Thu Phương	QH-2021-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1678	21050991	Lê Minh Quang	QH-2021-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1679	21050998	Đỗ Thảo Quyên	QH-2021-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1680	21051004	Trương Xuân Quỳnh	QH-2021-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1681	21051010	Bùi Phương Thảo	QH-2021-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1682	21051015	Phạm Ngọc Phương Thảo	QH-2021-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1683	21051022	Lê Thị Thu	QH-2021-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1684	21051028	Đỗ Anh Thư	QH-2021-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1685	21051037	Bùi Huyền Trang	QH-2021-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1686	21051045	Phan Hà Trang	QH-2021-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1687	21051054	Lương Thị Cẩm Tú	QH-2021-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	
1688	21051060	Trương Thu Uyên	QH-2021-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1689	21051071	Đoàn Hải Yến	QH-2021-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	
1690	21050110	Lê Thị Kim Ngân	QH-2021-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	

1691	21050768	Nguyễn Đăng Thái Anh	QH-2021-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1692	21050773	Nguyễn Thị Hải Anh	QH-2021-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1693	21050780	Thạch Minh Anh	QH-2021-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1694	21050786	Vũ Phương Anh	QH-2021-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1695	21050792	Nguyễn Thị Ngọc Bích	QH-2021-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1696	21050799	Bùi Thị Linh Chi	QH-2021-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	20,710,000	20,710,000	
1697	21050805	Trần Phương Chi	QH-2021-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1698	21050814	Bùi Phương Duyên	QH-2021-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1699	21050822	Lê Thùy Dương	QH-2021-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1700	21050828	Phạm Thành Đạt	QH-2021-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1701	21050836	Nguyễn Hương Giang	QH-2021-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1702	21050845	Nguyễn Thu Hà	QH-2021-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1703	21050850	Nguyễn Minh Hạnh	QH-2021-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1704	21050856	Đỗ Thị Hân	QH-2021-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1705	21050863	Lê Thị Thanh Hoài	QH-2021-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1706	21050872	Đinh Khánh Huyền	QH-2021-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1707	21050881	Phạm Lê Thảo Huyền	QH-2021-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1708	21050888	Nguyễn Thị Hương	QH-2021-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1709	21050895	Trần Xuân Kiên	QH-2021-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1710	21050901	Quách Vũ Sơn Lâm	QH-2021-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1711	21050906	Đoàn Thị Mai Linh	QH-2021-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1712	21050914	Nguyễn Mai Linh	QH-2021-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1713	21050925	Nguyễn Thị Diệu Ly	QH-2021-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1714	21050932	Trịnh Lâm Sao Mai	QH-2021-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1715	21050940	Nguyễn Thị Ngọc Minh	QH-2021-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1716	21050945	Nguyễn Thị Nhã Nam	QH-2021-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1717	21050956	Dương Thảo Ngọc	QH-2021-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	
1718	21050961	Phạm Trần Bảo Ngọc	QH-2021-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1719	21050966	Bùi Thị Phương Nhi	QH-2021-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1720	21050986	Nguyễn Thanh Phương	QH-2021-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1721	21050992	Nguyễn Phú Quang	QH-2021-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1722	21050999	Hồ Lê Diễm Quyên	QH-2021-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1723	21051005	Trương Văn Sáng	QH-2021-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1724	21051011	Bùi Thị Phương Thảo	QH-2021-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1725	21051017	Võ Phương Thảo	QH-2021-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1726	21051024	Đặng Thị Phương Thùy	QH-2021-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1727	21051029	Nguyễn Thị Vân Thư	QH-2021-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1728	21051039	Đoàn Thị Minh Trang	QH-2021-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1729	21051056	Ngô Văn Tuấn	QH-2021-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1730	21051061	Hoàng Thị Hồng Vân	QH-2021-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1731	21051066	Khuất Văn Vương	QH-2021-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1732	21051072	Phí Hải Yến	QH-2021-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1733	21050764	Đinh Phương Anh	QH-2021-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1734	21050769	Nguyễn Quỳnh Anh	QH-2021-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1735	21050774	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	QH-2021-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1736	21050781	Trần Hồng Anh	QH-2021-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1737	21050787	Vũ Quỳnh Anh	QH-2021-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1738	21050795	Bùi Bảo Châu	QH-2021-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	
1739	21050801	Lê Thị Linh Chi	QH-2021-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1740	21050806	Vũ Thị Thanh Chúc	QH-2021-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1741	21050815	Đinh Phương Duyên	QH-2021-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1742	21050823	Nguyễn Thùy Dương	QH-2021-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	

1743	21050829	Nguyễn Hải Đăng	QH-2021-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	
1744	21050838	Trần Hoàng Giang	QH-2021-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	
1745	21050846	Nguyễn Việt Hà	QH-2021-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1746	21050851	Nguyễn Thị Hạnh	QH-2021-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	
1747	21050857	Nguyễn Duy Hiếu	QH-2021-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1748	21050867	Hoàng Thị Hồng	QH-2021-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1749	21050873	Hoàng Mai Huyền	QH-2021-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1750	21050882	Phạm Thị Huyền	QH-2021-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1751	21050889	Phạm Thị Hương	QH-2021-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1752	21050896	Đào Trọng Kiệt	QH-2021-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	
1753	21050902	Bùi Hà Linh	QH-2021-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1754	21050908	Lê Thị Phương Linh	QH-2021-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1755	21050915	Nguyễn Mai Linh	QH-2021-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1756	21050921	Tăng Phương Linh	QH-2021-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	
1757	21050928	Nguyễn Thị Ngọc Mai	QH-2021-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1758	21050933	Vũ Thanh Mai	QH-2021-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1759	21050941	Phan Thị Minh	QH-2021-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1760	21050943	Hoàng Thị Mỹ	QH-2021-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1761	21050946	Phạm Tuấn Nam	QH-2021-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	
1762	21050951	Lương Thùy Ngân	QH-2021-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1763	21050957	Đỗ Thị Hoài Ngọc	QH-2021-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1764	21050962	Tạ Minh Ngọc	QH-2021-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1765	21050968	Nguyễn Hồ Yến Nhi	QH-2021-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1766	21050974	Vũ Thị Kim Oanh	QH-2021-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	
1767	21050987	Nguyễn Thu Phương	QH-2021-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1768	21050995	Bùi Công Quý	QH-2021-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1769	21051000	Trần Quốc Quyền	QH-2021-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1770	21051006	Bùi Hoàng Sơn	QH-2021-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1771	21051012	Hoàng Thu Thảo	QH-2021-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1772	21051019	Trần Hồng Thắm	QH-2021-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1773	21051025	Nguyễn Thị Thu Thủy	QH-2021-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1774	21051030	Phạm Thị Anh Thư	QH-2021-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1775	21051040	Ngô Thùy Trang	QH-2021-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1776	21051050	Nguyễn Minh Triết	QH-2021-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1777	21051057	Cao Minh Tuấn	QH-2021-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1778	21051062	Nguyễn Thị Anh Vân	QH-2021-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1779	21051067	Lê Thảo Vy	QH-2021-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1780	21051073	Phạm Thị Yến	QH-2021-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1781	19051700	Kim Jae Hoon	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	21,090,000	21,090,000	
1782	19051257	Nguyễn Kim Hải Vũ	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	4,980,000	4,980,000	
1783	20050184	Trần Anh Vũ	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	19,750,000	19,750,000	
1784	21050975	Lê Nam Phong	QH-2021-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1785	20050119	Lê Nguyễn Yến Linh	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1786	20050951	Nguyễn Minh Trang	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1787	21050086	Trần Nhật Hoàng	QH-2021-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
		Quản trị kinh doanh	435			
1785	20050224	Nguyễn Hữu Cương	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	16,455,000	16,455,000	
1786	19051534	Nguyễn Hằng Nga	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	8,835,000	8,835,000	
1787	19051517	Vũ Thị Tân Mai	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	7,710,000	7,710,000	
1788	19051436	Nguyễn Trọng Đạt	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	750,000	750,000	
1789	19051620	Cao Anh Tuấn	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	3,690,000	3,690,000	
1790	19051626	Nguyễn Long Vũ	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	10,755,000	10,755,000	

1791	19051566	Lê Minh Quân	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	6,420,000	6,420,000	
1792	20050007	Trần Châu Anh	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1793	20050019	Đỗ Huyền Trang	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	21,355,000	21,355,000	
1794	20050055	Vũ Văn Bình	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1795	20050099	Vũ Cảnh Hưng	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1796	20050113	Phùng Tuấn Kiệt	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1797	20050128	Lê Bảo Lộc	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1798	20050152	Ngô Vinh Quang	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	
1799	20050188	Kiều Tràng An	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1800	20050193	Đỗ Quỳnh Anh	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1801	20050211	Trần Minh Anh	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	21,835,000	21,835,000	
1802	20050216	Vũ Ngọc Ánh	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1803	20050219	Phan Ngọc Chi	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1804	20050231	Đỗ Thị Thùy Dương	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1805	20050237	Phạm Thảo Đan	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1806	20050239	Lê Quyền Giang	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1807	20050249	Kiều Hồng Hạnh	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1808	20050254	Phùng Thuý Hằng	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1809	20050258	Vũ Việt Hoàn	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1810	20050262	Lương Thị Hồng	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1811	20050267	Trịnh Mạnh Hùng	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1812	20050271	Nguyễn Thị Phương Huyền	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	21,355,000	21,355,000	
1813	20050288	Dương Thị Mai Linh	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	20,065,000	20,065,000	
1814	20050296	Nguyễn Thị Thùy Linh	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1815	20050305	Bùi Đức Mạnh	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1816	20050313	Trần Đặng Trà My	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1817	20050317	Lê Thuý Nga	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1818	20050322	Hà Thị Thảo Ngân	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1819	20050327	Phạm Bích Ngọc	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1820	20050332	Phan Hoàng Yến Nhi	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1821	20050337	Nguyễn Lan Phương	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1822	20050345	Trần Vũ Hải Sơn	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1823	20050347	Nguyễn Hồng Thái	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1824	20050351	Phạm Phương Thảo	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1825	20050356	Trần Văn Thắng	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1826	20050361	Vũ Thị Thủy	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1827	20050367	Trần Phương Trà	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1828	20050372	Nguyễn Linh Trang	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1829	20050377	Nguyễn Thị Thanh Trúc	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1830	20050381	Lê Nguyễn Ngọc Tuấn	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1831	20050386	Lê Thị Hà Xuân	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1832	20050387	Nguyễn Thị Xuân	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1833	20050391	Nguyễn Thị Hải Yến	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1834	20050010	Nguyễn Quỳnh Chi	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1835	20050029	Vũ Mai Linh	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1836	20050049	Nguyễn Võ Thực Anh	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1837	20050052	Nguyễn Hữu Bách	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	25,210,000	25,210,000	
1838	20050069	Nguyễn Thanh Dung	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1839	20050136	Nguyễn Văn Mạnh	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1840	20050139	Hoàng Tuấn Nam	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1841	20050187	Lương Phương Thảo	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1842	20050194	Hồ Thị Như Anh	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	

1843	20050195	Hà Thị Ngọc Anh	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1844	20050203	Nguyễn Minh Phương Anh	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1845	20050212	Trần Nguyệt Anh	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1846	20050221	Trần Tùng Chi	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1847	20050232	Đỗ Thùy Dương	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1848	20050236	Phạm Thị Linh Đan	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1849	20050240	Nguyễn Hà Giang	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1850	20050245	Đinh Thị Thu Hà	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1851	20050250	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1852	20050255	Nguyễn Thị Thu Hiền	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1853	20050259	Nguyễn Đắc Hoàng	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1854	20050263	Nguyễn Thị Thúy Hồng	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1855	20050268	Bùi Thế Huy	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1856	20050272	Phạm Thanh Huyền	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1857	20050276	Đinh Thị Thu Hương	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1858	20050279	Đoàn Duy Khánh	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1859	20050283	Phạm Thị Minh Khuê	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1860	20050290	Đoàn Phương Linh	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1861	20050293	Nguyễn Hải Linh	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1862	20050297	Nguyễn Thùy Linh	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1863	20050301	Nguyễn Trung Lương	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1864	20050318	Nguyễn Phương Nga	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1865	20050323	Lương Tuấn Nghĩa	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1866	20050328	Trương Mạn Ngọc	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1867	20050333	Nguyễn Thị Hồng Nhung	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1868	20050342	Nguyễn Minh Quang	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1869	20050348	Tạ Thị Thanh	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1870	20050352	Vũ Phương Thảo	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	21,355,000	21,355,000	
1871	20050357	Nguyễn Mạnh Thịnh	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1872	20050368	Văn Thị Trà	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1873	20050373	Nguyễn Thị Kiều Trang	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1874	20050382	Đặng Việt Tùng	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1875	20050012	Hạ Thị Thu Hiền	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1876	20050030	Nguyễn Quỳnh Nga	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1877	20050159	Đặng Thanh Thảo	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1878	20050167	Đỗ Bá Tiến	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1879	20050186	Trần Phương Dung	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1880	20050190	Nguyễn Thị Bình An	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1881	20050196	Hoàng Lê Văn Anh	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1882	20050199	Nguyễn Đoàn Kim Anh	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1883	20050204	Nguyễn Thị Lan Anh	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1884	20050213	Trần Văn Anh	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1885	20050220	Trần Thị Mai Chi	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1886	20050229	Dương Công Dũng	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1887	20050233	Lý Chiu Dương	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1888	20050238	Lê Anh Đức	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1889	20050246	Vũ Nguyệt Hà	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1890	20050264	Đoàn Thị Mai Huê	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1891	20050273	Trần Thu Huyền	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1892	20050277	Lê Thu Hương	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	
1893	20050280	Nguyễn An Khánh	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1894	20050285	Trần Thị Lan	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	

1895	20050294	Nguyễn Khánh Linh	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	
1896	20050298	Trần Thảo Linh	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1897	20050302	Nguyễn Nhật Mai	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	20,710,000	20,710,000	
1898	20050306	Vũ Đức Mạnh	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1899	20050311	Trần Nhật Minh	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1900	20050314	Nguyễn Quốc Nam	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1901	20050319	Nguyễn Quỳnh Nga	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1902	20050324	Trần Tuấn Nghĩa	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1903	20050334	Nguyễn Thị Thảo Như	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1904	20050339	Nguyễn Thu Phương	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1905	20050343	Nguyễn Minh Quân	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1906	20050353	Nguyễn Thị Thắm	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1907	20050359	Nguyễn Thị Thu	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1908	20050363	Trương Minh Thư	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1909	20050369	Đặng Thị Thùy Trang	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1910	20050374	Phạm Quỳnh Trang	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1911	20050378	Phạm Việt Trung	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1912	20050383	Hoàng Thanh Tùng	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1913	20050388	Phạm Thanh Xuân	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1914	20050005	Lê Kim Chi	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1915	20050013	Phạm Văn Huy	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	
1916	20050031	Phan Uyên Nhi	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1917	20050042	Hoàng Minh Anh	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1918	20050090	Vũ Minh Hiếu	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1919	20050109	Phạm Ngọc Khánh	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1920	20050122	Nguyễn Tài Linh	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	21,355,000	21,355,000	
1921	20050137	Đỗ Thị Hà My	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1922	20050153	Nguyễn Anh Quốc	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1923	20050191	Phạm Thùy An	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1924	20050200	Nguyễn Hải Anh	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1925	20050205	Nguyễn Thị Trang Anh	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1926	20050214	Vũ Phương Anh	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1927	20050217	Bùi Thị Thái Bình	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1928	20050242	Nguyễn Thu Giang	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1929	20050252	Phạm Xuân Hào	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1930	20050261	Trần Nam Hoàng	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	19,375,000	19,375,000	
1931	20050265	Hoàng Mạnh Hùng	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1932	20050269	Khổng Thị Khánh Huyền	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1933	20050274	Nguyễn Thành Hưng	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1934	20050278	Hồ Thị Hường	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1935	20050286	Đào Đức Lâm	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1936	20050291	Lã Thùy Linh	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1937	20050299	Trương Thị Khánh Linh	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1938	20050303	Phạm Thị Sao Mai	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	
1939	20050307	Trần Thị Hải Mây	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1940	20050315	Phạm Hoàng Nam	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1941	20050320	Nguyễn Thị Phương Nga	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1942	20050325	Lê Thị Thúy Ngọc	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1943	20050330	Phạm Thảo Nguyên	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1944	20050335	Bùi Bích Phương	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	
1945	20050340	Phan Thị Quỳnh Phương	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1946	20050349	Nguyễn Thanh Thảo	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	

1947	20050354	Trương Thị Hồng Thắm	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	
1948	20050358	Nguyễn Thị Hoài Thu	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1949	20050364	Trần Diệu Thương	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1950	20050365	Lương Khánh Toàn	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1951	20050370	Kiều Huyền Trang	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1952	20050375	Trần Thị Huyền Trang	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1953	20050379	Trần Nam Trung	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1954	20050384	Nguyễn Đức Tùng	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1955	20050006	Trần Ngọc Thái	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	20,065,000	20,065,000	
1956	20050016	Lương Thùy Minh	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1957	20050066	Vũ Minh Đức	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1958	20050077	Nguyễn Thế Duy	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1959	20050197	Hoàng Phương Anh	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1960	20050201	Nguyễn Hải Anh	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1961	20050206	Nguyễn Văn Anh	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1962	20050210	Tạ Phương Anh	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1963	20050215	Trương Nhật Ánh	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1964	20050226	Triệu Trí Cường	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1965	20050227	Nguyễn Lê Tùng Diệp	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1966	20050235	Vũ Khắc Đại	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	21,355,000	21,355,000	
1967	20050243	Phạm Linh Giang	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1968	20050248	Phạm Đoàn Minh Hải	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1969	20050253	Hoàng Thị Hằng	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1970	20050266	Lưu Mạnh Hùng	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1971	20050270	Lê Thanh Huyền	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1972	20050275	Nguyễn Văn Hưng	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1973	20050281	Bùi Tiến Khoa	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	20,065,000	20,065,000	
1974	20050284	Nguyễn Tuấn Kiệt	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1975	20050295	Nguyễn Thị Diệu Linh	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1976	20050300	Nguyễn Khánh Loan	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1977	20050304	Trịnh Ngọc Mai	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1978	20050308	Phạm Thị Trà Mi	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1979	20050312	Nguyễn Trà My	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1980	20050316	Đỗ Thị Thuý Nga	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1981	20050321	Phạm Thị Nga	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1982	20050326	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1983	20050331	Đinh Long Nhật	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	20,065,000	20,065,000	
1984	20050336	Nguyễn Lan Phương	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1985	20050341	Vũ Thanh Phương	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	
1986	20050344	Đào Anh Sơn	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1987	20050350	Nguyễn Thu Thảo	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1988	20050360	Nguyễn Thị Xuân Thu	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1989	20050366	Quản Thị Trà	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1990	20050371	Lê Thị Quỳnh Trang	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	
1991	20050380	Bùi Đức Tuấn	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1992	20050385	Dương Thị Ánh Tuyết	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1993	20050389	Hoàng Hải Yến	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1994	20050390	Nguyễn Hải Yến	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1995	21050060	Phạm Quang Anh	QH-2021-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1996	21050061	Đặng Lê Việt Đức	QH-2021-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	
1997	21050062	Nguyễn Thị Hà Giang	QH-2021-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
1998	21050063	Vì Tùng Linh	QH-2021-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	

1999	21050064	Phạm Thị Chi Mai	QH-2021-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2000	21050065	Trương Ánh Ngọc	QH-2021-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2001	21050066	Huỳnh Thu Phương	QH-2021-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2002	21050067	Nguyễn Tiến Thịnh	QH-2021-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2003	21050068	Lê Thị Thủy	QH-2021-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2004	21050069	Đỗ Dương Tú Uyên	QH-2021-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2005	21050070	Nguyễn Thị Hồng Trà	QH-2021-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2006	21050114	Nguyễn Hồ Mai Phương	QH-2021-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2007	21050123	Đỗ Thị Phương Anh	QH-2021-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2008	21050129	Lê Nhật Anh	QH-2021-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2009	21050130	Lê Thị Hà Anh	QH-2021-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2010	21050139	Nguyễn Thị Ngọc Anh	QH-2021-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2011	21050142	Phan Thị Minh Anh	QH-2021-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2012	21050145	Trần Thị Ngọc Anh	QH-2021-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2013	21050147	Vũ Thị Quỳnh Anh	QH-2021-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2014	21050157	Trần Ngọc Khánh Chi	QH-2021-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2015	21050160	Nguyễn Quốc Chung	QH-2021-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2016	21050165	Đỗ Thái Dương	QH-2021-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2017	21050167	Lê Ánh Dương	QH-2021-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2018	21050181	Nguyễn Trường Giang	QH-2021-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2019	21050189	Nguyễn Quang Hải	QH-2021-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2020	21050196	Ngô Thanh Hậu	QH-2021-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2021	21050197	Đỗ Thị Thu Hiền	QH-2021-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2022	21050201	Nguyễn Bá Hiệp	QH-2021-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2023	21050203	Lê Danh Hiếu	QH-2021-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	
2024	21050204	Nguyễn Duy Hiếu	QH-2021-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2025	21050216	Nguyễn Thị Huệ	QH-2021-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2026	21050230	Ngô Thị Việt Hương	QH-2021-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2027	21050236	Phan Hoàng Lan	QH-2021-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2028	21050237	Đỗ Ái Lâm	QH-2021-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2029	21050260	Nguyễn Khánh Ly	QH-2021-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2030	21050271	Phan Đức Minh	QH-2021-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	20,065,000	20,065,000	
2031	21050274	Đỗ Thị Trà My	QH-2021-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2032	21050278	Trần Hải Nam	QH-2021-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2033	21050284	Lê Thị Lan Ngọc	QH-2021-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2034	21050301	Trương Đức Phát	QH-2021-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2035	21050307	Trần Mai Phương	QH-2021-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2036	21050309	Nguyễn Thị Bích Phượng	QH-2021-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	
2037	21050321	Nguyễn Thị Minh Tâm	QH-2021-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2038	21050325	Mai Phúc Thảo	QH-2021-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2039	21050343	Nguyễn Thiên Trang	QH-2021-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	
2040	21050346	Tổng Thành Trung	QH-2021-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2041	21050361	Nguyễn Nhật Xuân	QH-2021-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2042	21050117	Triệu Thùy Linh	QH-2021-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2043	21050118	Nguyễn Thùy An	QH-2021-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2044	21050122	Chu Thị Vân Anh	QH-2021-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	14,070,000	14,070,000	
2045	21050127	Hoàng Đức Anh	QH-2021-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2046	21050133	Nguyễn Châu Anh	QH-2021-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2047	21050137	Nguyễn Phương Anh	QH-2021-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2048	21050143	Phạm Thị Phương Anh	QH-2021-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2049	21050149	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	QH-2021-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2050	21050153	Nguyễn Phương Tú Bình	QH-2021-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	

2051	21050158	Vũ Thị Quỳnh Chi	QH-2021-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2052	21050163	Nguyễn Thị Thùy Dung	QH-2021-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	21,460,000	21,460,000	
2053	21050169	Nguyễn Thùy Dương	QH-2021-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2054	21050173	Nguyễn Tiến Đạt	QH-2021-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2055	21050177	Chung Thị Hương Giang	QH-2021-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2056	21050182	Chu Thị Ngọc Hà	QH-2021-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	
2057	21050186	Nguyễn Thu Hà	QH-2021-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2058	21050191	Bùi Thị Việt Hằng	QH-2021-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2059	21050202	Hà Sỹ Hiếu	QH-2021-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2060	21050208	Lê Huy Hoàng	QH-2021-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2061	21050217	Đỗ Minh Hùng	QH-2021-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	22,210,000	22,210,000	
2062	21050221	Đỗ Thị Khánh Huyền	QH-2021-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2063	21050225	Nguyễn Thanh Huyền	QH-2021-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2064	21050231	Hà Thu Hường	QH-2021-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	14,070,000	14,070,000	
2065	21050235	Nguyễn Thị Kim Lan	QH-2021-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2066	21050241	Hoàng Mai Linh	QH-2021-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2067	21050245	Nguyễn Lê Khánh Linh	QH-2021-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	15,050,000	15,050,000	
2068	21050249	Nguyễn Thị Thùy Linh	QH-2021-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2069	21050253	Trần Thị Linh	QH-2021-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2070	21050257	Đinh Lê Cẩm Ly	QH-2021-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2071	21050262	Nguyễn Thị Hải Lý	QH-2021-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2072	21050266	Lê Công Mạnh	QH-2021-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2073	21050270	Nhữ Hoàng Minh	QH-2021-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2074	21050281	Nguyễn Phương Ngân	QH-2021-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2075	21050286	Trương Ánh Ngọc	QH-2021-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2076	21050290	Nguyễn Thị Ánh Nhật	QH-2021-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2077	21050294	Trần Thảo Nhi	QH-2021-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2078	21050298	Vũ Đình Quỳnh Như	QH-2021-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2079	21050315	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	QH-2021-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	20,710,000	20,710,000	
2080	21050319	Trịnh Thị Như Quỳnh	QH-2021-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	
2081	21050326	Phạm Thị Thanh Thảo	QH-2021-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2082	21050331	Mai Thị Thùy	QH-2021-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2083	21050335	Tiêu Vân Thư	QH-2021-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2084	21050339	Trịnh Thu Trà	QH-2021-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2085	21050349	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	QH-2021-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2086	21050353	Lê Trang Uyên	QH-2021-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2087	21050358	Nguyễn Tuấn Vinh	QH-2021-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2088	21050119	Trịnh Thảo An	QH-2021-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2089	21050124	Đào Kim Anh	QH-2021-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2090	21050128	Hoàng Vân Anh	QH-2021-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2091	21050138	Nguyễn Phương Anh	QH-2021-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2092	21050150	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	QH-2021-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2093	21050154	Nguyễn Thị Mai Châm	QH-2021-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2094	21050159	Nguyễn Thị Kiều Chinh	QH-2021-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2095	21050164	Vũ Thị Thanh Duyên	QH-2021-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	20,710,000	20,710,000	
2096	21050170	Phùng Ánh Dương	QH-2021-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2097	21050174	Trần Văn Đạt	QH-2021-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2098	21050178	Đỗ Thị Giang	QH-2021-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2099	21050183	Đặng Thị Hà	QH-2021-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2100	21050187	Trần Thị Thu Hà	QH-2021-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2101	21050192	Đỗ Nguyệt Hằng	QH-2021-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2102	21050198	Hoàng Thu Hiền	QH-2021-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	

2103	21050209	Lê Việt Hoàng	QH-2021-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2104	21050213	Nguyễn Quốc Học	QH-2021-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2105	21050218	Nguyễn Doãn Huy	QH-2021-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2106	21050222	Hoàng Mai Huyền	QH-2021-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2107	21050226	Phạm Thanh Huyền	QH-2021-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2108	21050232	Đỗ Văn Khải	QH-2021-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2109	21050238	Cao Thị Hà Linh	QH-2021-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2110	21050242	Khiều Hà Linh	QH-2021-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2111	21050246	Nguyễn Lại Hải Linh	QH-2021-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2112	21050250	Nguyễn Thùy Linh	QH-2021-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2113	21050254	Trần Thùy Linh	QH-2021-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2114	21050258	Lưu Khánh Ly	QH-2021-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2115	21050263	Nguyễn Lê Ngọc Mai	QH-2021-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2116	21050272	Tạ Khánh Ngọc Minh	QH-2021-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2117	21050277	Giang Thành Nam	QH-2021-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2118	21050282	Vũ Thị Ngân	QH-2021-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2119	21050287	Nguyễn Minh Nguyệt	QH-2021-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2120	21050291	Lê Lan Nhi	QH-2021-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2121	21050295	Đỗ Hồng Nhung	QH-2021-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2122	21050299	Trương Thị Thùy Ninh	QH-2021-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2123	21050304	Nguyễn Lan Phương	QH-2021-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2124	21050311	Trần Anh Quân	QH-2021-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2125	21050320	Đoàn Trường Sơn	QH-2021-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2126	21050328	Nguyễn Xuân Thọ	QH-2021-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2127	21050332	Mai Thu Thủy	QH-2021-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2128	21050336	Trần Mạnh Tiến	QH-2021-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2129	21050345	Đỗ Thị Thanh Trúc	QH-2021-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	
2130	21050350	Phạm Thị Như Tuyết	QH-2021-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2131	21050354	Nguyễn Thị Mai Uyên	QH-2021-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2132	21050359	Hà Triệu Vy	QH-2021-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2133	21050120	Bùi Thị Vân Anh	QH-2021-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2134	21050131	Lê Thị Mai Anh	QH-2021-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2135	21050135	Nguyễn Hoàng Anh	QH-2021-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2136	21050146	Trần Thị Nhật Anh	QH-2021-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2137	21050155	Bùi Thị Phương Chi	QH-2021-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	
2138	21050161	Nguyễn Hồng Diễm	QH-2021-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2139	21050166	Đỗ Vũ Thùy Dương	QH-2021-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2140	21050171	Trịnh Ngọc Ánh Dương	QH-2021-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2141	21050175	Vũ Hồng Diệp	QH-2021-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2142	21050179	Hoàng Trà Giang	QH-2021-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2143	21050184	Đoàn Phương Hà	QH-2021-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2144	21050188	Nguyễn Đắc Hoàng Hải	QH-2021-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2145	21050193	Đào Lê Hằng	QH-2021-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2146	21050199	Nguyễn Thị Hiền	QH-2021-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2147	21050206	Trần Huy Hoàn	QH-2021-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2148	21050210	Nguyễn Xuân Hoàng	QH-2021-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2149	21050214	Kiều Thu Huế	QH-2021-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	20,710,000	20,710,000	
2150	21050219	Phạm Đức Huy	QH-2021-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2151	21050223	Lại Thu Huyền	QH-2021-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2152	21050233	Nguyễn Thị Vân Khánh	QH-2021-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2153	21050239	Dương Thùy Linh	QH-2021-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2154	21050243	Lê Ngọc Phương Linh	QH-2021-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	

2155	21050247	Nguyễn Phương Linh	QH-2021-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2156	21050251	Nguyễn Thùy Linh	QH-2021-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2157	21050255	Trịnh Khánh Linh	QH-2021-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2158	21050259	Nguyễn Hoàng Thảo Ly	QH-2021-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2159	21050264	Vũ Thị Hoàng Mai	QH-2021-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2160	21050273	Vũ Lê Nhật Minh	QH-2021-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	23,275,000	23,275,000	
2161	21050279	Trần Như Nam	QH-2021-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	14,820,000	14,820,000	
2162	21050283	Hoàng Thị Hồng Ngọc	QH-2021-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	
2163	21050288	Vũ Quý Nhân	QH-2021-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2164	21050292	Nguyễn Hoàng Nhi	QH-2021-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2165	21050296	Trương Hồng Nhung	QH-2021-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2166	21050300	Đỗ Thị Kim Oanh	QH-2021-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	
2167	21050306	Phạm Lan Phương	QH-2021-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2168	21050312	Lê Văn Quyền	QH-2021-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2169	21050317	Trần Nguyễn Trúc Quỳnh	QH-2021-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2170	21050323	Nguyễn Tuấn Thành	QH-2021-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2171	21050333	Trương Thu Thủy	QH-2021-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2172	21050337	Đoàn Thanh Trà	QH-2021-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2173	21050341	Nguyễn Quỳnh Trang	QH-2021-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2174	21050347	Ngô Minh Tuấn	QH-2021-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2175	21050351	Đặng Thị Tươi	QH-2021-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2176	21050360	Nguyễn Cao Khánh Vy	QH-2021-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2177	21050126	Đặng Quang Anh	QH-2021-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2178	21050132	Mã Kiều Anh	QH-2021-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2179	21050136	Nguyễn Phạm Mai Hải Anh	QH-2021-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2180	21050141	Phan Quỳnh Anh	QH-2021-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2181	21050148	Lê Thị Ngọc Ánh	QH-2021-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2182	21050152	Nguyễn An Bình	QH-2021-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2183	21050156	Nguyễn Thị Kim Chi	QH-2021-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2184	21050162	Đình Ngọc Diệp	QH-2021-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2185	21050168	Lê Quốc Dương	QH-2021-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2186	21050172	Nguyễn Ngọc Cẩm Đan	QH-2021-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2187	21050176	Đình Nguyễn Minh Đức	QH-2021-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	20,710,000	20,710,000	
2188	21050180	Nguyễn Hương Giang	QH-2021-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2189	21050190	Trần Thị Thanh Hào	QH-2021-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2190	21050194	Mai Thu Hằng	QH-2021-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2191	21050200	Trần Thu Hiền	QH-2021-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	
2192	21050207	Kiều Duy Hoàng	QH-2021-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2193	21050211	Thâm Minh Hoàng	QH-2021-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	
2194	21050215	Trần Thị Huệ	QH-2021-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2195	21050220	Phạm Quang Huy	QH-2021-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2196	21050229	Ngô Thị Dịu Hương	QH-2021-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2197	21050234	Vũ Ngọc Khánh	QH-2021-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2198	21050240	Đoàn Thùy Linh	QH-2021-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2199	21050244	Mai Khánh Linh	QH-2021-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2200	21050248	Nguyễn Thị Phương Linh	QH-2021-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2201	21050252	Trần Ngọc Phương Linh	QH-2021-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2202	21050256	Đông Thị Lụa	QH-2021-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2203	21050261	Trương Thị Khánh Ly	QH-2021-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2204	21050265	Kim Đình Mạnh	QH-2021-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	19,375,000	19,375,000	
2205	21050275	Nguyễn Trần Hà My	QH-2021-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2206	21050280	Nguyễn Lê Kim Ngân	QH-2021-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	

2207	21050285	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	QH-2021-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	
2208	21050289	Lại Huy Nhật	QH-2021-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	20,500,000	20,500,000	
2209	21050293	Nguyễn Uyên Nhi	QH-2021-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2210	21050297	Vũ Hồng Nhung	QH-2021-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2211	21050302	Bùi Quang Phong	QH-2021-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2212	21050308	Vũ Tuyết Phương	QH-2021-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2213	21050313	Bùi Văn Quỳnh	QH-2021-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2214	21050318	Trần Nhật Trang Quỳnh	QH-2021-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2215	21050324	Bùi Phương Thảo	QH-2021-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	20,710,000	20,710,000	
2216	21050330	Nguyễn Sỹ Thuận	QH-2021-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2217	21050338	Ngô Hương Trà	QH-2021-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2218	21050342	Nguyễn Thị Trang	QH-2021-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2219	21050348	Nguyễn Anh Tuấn	QH-2021-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	19,750,000	19,750,000	
2220	21050352	Trần Thị Hồng Tươi	QH-2021-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2221	21050357	Lã Quang Vinh	QH-2021-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2222	21050355	Nguyễn Thị Thùy Vân	QH-2021-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2223	19051512	Trần Thị Linh	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	4,980,000	4,980,000	
2224	20050093	Trần Việt Hoàng	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	22,105,000	22,105,000	
		Tài chính - Ngân hàng	346			
2226	20050526	Đoàn Thu Thủy	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2227	21050539	Trịnh Thanh Thảo	QH-2021-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2228	18050876	Nguyễn Thị Chuyên	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	3,690,000	3,690,000	
2229	18050974	Trần Vũ Minh Triết	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	21,840,000	21,840,000	
2230	19050634	Lê Minh Dương	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	16,155,000	16,155,000	
2231	19050658	Nguyễn Hữu Hoàng	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	750,000	750,000	
2232	19050694	Nguyễn Nhật Minh	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	16,545,000	16,545,000	
2233	19050627	Nguyễn Hải Đăng	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	3,210,000	3,210,000	
2234	20050028	Đông Phương Linh	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2235	20050085	Phạm Hoàng Hải	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2236	20050089	Phạm Xuân Thành Hiếu	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2237	20050133	Nguyễn Trần Nhật Mai	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2238	20050392	Nguyễn Duy An	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	
2239	20050395	Lê Minh Anh	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2240	20050402	Trần Linh Anh	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2241	20050406	Phạm Mai Ánh	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	21,355,000	21,355,000	
2242	20050412	Bùi Ngọc Quỳnh Chi	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	
2243	20050413	Nguyễn Thị Cúc	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2244	20050421	Trần Ánh Dương	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2245	20050424	Nguyễn Anh Đức	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2246	20050427	Chu Phương Hà	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	
2247	20050437	Đào Thị Bích Hiền	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2248	20050444	Hoàng Thị Ánh Hồng	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2249	20050448	Đào Đức Huy	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2250	20050452	Nguyễn Thị Thu Huyền	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	25,210,000	25,210,000	
2251	20050456	Nguyễn Linh Hương	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	
2252	20050459	Đoàn Thị Ngọc Khánh	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2253	20050463	Nguyễn Đức Lâm	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	20,710,000	20,710,000	
2254	20050465	Đỗ Nguyệt Linh	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	21,355,000	21,355,000	
2255	20050473	Trần Khánh Linh	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2256	20050477	Bành Ngọc Mai	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2257	20050482	Vũ Đức Mạnh	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	

2258	20050498	Đỗ Hữu Nghĩa	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	19,375,000	19,375,000	
2259	20050506	Bùi Hà Phương	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2260	20050510	Nguyễn Minh Quân	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2261	20050518	Phan Thị Thủy Quỳnh	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2262	20050525	Trần Hữu Thọ	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2263	20050528	Hoàng Trung Tín	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2264	20050532	Lê Thùy Trang	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2265	20050536	Nguyễn Thị Trang	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2266	20050553	Ngô Lê Minh Vũ	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2267	20050557	Vũ Thị Kiều Vy	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2268	20050559	Lưu Thị Yến	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2269	20050560	Nguyễn Hà Hải Yến	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2270	20050035	Đặng Thị Thanh Thảo	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2271	20050045	Nguyễn Quang Anh	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2272	20050114	Nguyễn Thanh Lâm	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2273	20050131	Bùi Nhật Mai	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2274	20050393	Nguyễn Tuấn An	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2275	20050399	Ninh Phương Anh	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	21,355,000	21,355,000	
2276	20050403	Vũ Quỳnh Anh	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2277	20050407	Kiều Quốc Bảo	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2278	20050415	Trần Thị Ngọc Diễm	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2279	20050418	Vũ Đức Dũng	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2280	20050422	Bùi Việt Đạt	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2281	20050425	Dương Hoàng Gia	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2282	20050431	Tô Thị Nguyệt Hà	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2283	20050434	Bùi Thị Hằng	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2284	20050438	Nguyễn Thị Thu Hiền	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	16,455,000	16,455,000	
2285	20050441	Nguyễn Thị Hòa	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2286	20050445	Nguyễn Thị Huệ	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2287	20050449	Hoàng Quang Huy	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2288	20050453	Lê Công Hưng	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2289	20050466	Lưu Khánh Linh	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2290	20050470	Nguyễn Tuấn Linh	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2291	20050474	Trần Thảo Linh	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	21,355,000	21,355,000	
2292	20050480	Phạm Thị Mai	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2293	20050487	Nguyễn Thảo Minh	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2294	20050491	Nguyễn Thị Lê Na	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2295	20050495	Lê Phương Nga	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2296	20050499	Mai Thúy Ngọc	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	21,355,000	21,355,000	
2297	20050503	Đào Dung Nhi	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2298	20050507	Đặng Minh Phương	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2299	20050512	Đinh Như Quyên	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2300	20050515	Nguyễn Ngọc Quỳnh	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2301	20050519	Trần Ngọc Sơn	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2302	20050522	Lê Tạ Hồng Thanh	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2303	20050533	Nguyễn Hiền Trang	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	21,355,000	21,355,000	
2304	20050537	Nguyễn Thị Trang	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2305	20050541	Đào Ngọc Trí	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2306	20050547	Đinh Thị Hồng Vân	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2307	20050551	Phạm Thảo Vi	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2308	20050554	Trần Đăng Vũ	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2309	20050070	Trần Ngọc Dung	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	

2310	20050080	Ngô Vũ Hương Giang	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2311	20050082	Lê Thị Thu Hà	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2312	20050134	Quách Hoàng Mai	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2313	20050394	Phạm Thu An	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2314	20050396	Nguyễn Lê Trúc Anh	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2315	20050400	Phạm Đăng Anh	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2316	20050408	Nguyễn Quang Bắc	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2317	20050410	Cao Minh Châu	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2318	20050419	Chu Ngọc Duy	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2319	20050423	Nguyễn Tuấn Đạt	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2320	20050428	Lê Thị Thu Hà	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2321	20050432	Lương Ngọc Hải	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2322	20050435	Lê La Hằng	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	20,070,000	20,070,000	
2323	20050439	Trần Phương Hiền	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2324	20050442	Nguyễn Thu Hòa	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2325	20050446	Nguyễn Đức Hùng	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	20,710,000	20,710,000	
2326	20050450	Đào Khánh Huyền	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2327	20050454	Dương Thị Hương	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2328	20050457	Trần Diệu Hương	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2329	20050461	Nguyễn Hoàng Mai Lan	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2330	20050467	Nguyễn Hoàng Linh	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	19,750,000	19,750,000	
2331	20050471	Phan Diệu Linh	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2332	20050475	Vũ Khánh Linh	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2333	20050478	Nguyễn Hoàng Mai	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	21,355,000	21,355,000	
2334	20050496	Nguyễn Phương Nga	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2335	20050500	Nguyễn Minh Ngọc	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2336	20050504	Nguyễn Thị Hồng Nhung	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	21,355,000	21,355,000	
2337	20050511	Đỗ Quyên	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2338	20050516	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	21,355,000	21,355,000	
2339	20050520	Trần Thu Sương	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2340	20050523	Lê Phương Thảo	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2341	20050530	Vũ Phương Trà	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2342	20050534	Nguyễn Huyền Trang	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2343	20050538	Nguyễn Thu Trang	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	21,355,000	21,355,000	
2344	20050542	Ngô Huy Việt Trung	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2345	20050543	Nguyễn Tiến Tú	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2346	20050548	Vũ Quỳnh Vân	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	21,355,000	21,355,000	
2347	20050039	Đinh Hoàng Minh Anh	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2348	20050116	Đặng Trần Gia Linh	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2349	20050182	Trần Xuân Việt	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2350	20050397	Nguyễn Ngọc Minh Anh	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2351	20050401	Phạm Thị Vân Anh	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2352	20050405	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	21,355,000	21,355,000	
2353	20050409	Nguyễn Thị Bình	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2354	20050411	Vũ Minh Châu	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2355	20050416	Đoàn Anh Dũng	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2356	20050420	Hoàng Trọng Cảnh Duy	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2357	20050426	Phạm Thị Hương Giang	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2358	20050429	Lê Thu Hà	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2359	20050433	Nguyễn Trung Hải	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2360	20050436	Trịnh Thanh Hằng	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2361	20050440	Nguyễn Đức Hiếu	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	

2362	20050443	Nguyễn Thị Hoài	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2363	20050447	Nguyễn Lương Hùng	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2364	20050455	Giang Thu Hương	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2365	20050458	Trần Thu Hương	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2366	20050468	Nguyễn Khánh Linh	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2367	20050472	Tăng Diệu Linh	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2368	20050476	Lê Thị Khánh Ly	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2369	20050479	Nguyễn Thị Ngọc Mai	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2370	20050481	Thân Thu Mai	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2371	20050489	Phan Nhật Minh	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2372	20050493	Nguyễn Hoàng Nam	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2373	20050497	Phạm Thị Thanh Ngân	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2374	20050501	Trần Minh Ngọc	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2375	20050505	Vũ Hồng Nhung	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2376	20050509	Trần Thu Phương	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2377	20050513	Đoàn Thị Thúy Quỳnh	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	
2378	20050517	Nguyễn Thu Quỳnh	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2379	20050524	Nguyễn Thị Phương Thảo	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2380	20050527	Nguyễn Đình Tiến	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2381	20050531	Đặng Thu Trang	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2382	20050535	Nguyễn Quỳnh Trang	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2383	20050544	Nguyễn Hoàng Tuấn	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2384	20050545	Lê Thị Phương Uyên	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	21,355,000	21,355,000	
2385	20050549	Lê Hạ Vi	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2386	20050556	Đậu Thảo Vy	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2387	21050071	Nguyễn Văn Anh	QH-2021-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2388	21050072	Đặng Phương Dung	QH-2021-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2389	21050073	Nguyễn Thị Diệu Linh	QH-2021-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2390	21050074	Nguyễn Thị Ngọc Mai	QH-2021-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2391	21050075	Tô Phương Minh	QH-2021-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2392	21050076	Vương Thị Minh Ngọc	QH-2021-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2393	21050077	Nguyễn Hồng Ngọc	QH-2021-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2394	21050364	Đặng Châu Anh	QH-2021-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	27,880,000	27,880,000	
2395	21050365	Đặng Thị Lan Anh	QH-2021-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2396	21050367	Lê Nguyễn Việt Anh	QH-2021-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2397	21050373	Nguyễn Ngọc Phương Anh	QH-2021-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2398	21050377	Phạm Thị Thùy Anh	QH-2021-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2399	21050383	Nguyễn Huy Bách	QH-2021-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2400	21050384	Tạ Ngọc Bách	QH-2021-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2401	21050391	Nguyễn Khánh Chi	QH-2021-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2402	21050395	Nguyễn Huy Cường	QH-2021-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2403	21050396	Đặng Thị Diên	QH-2021-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2404	21050401	Vương Đức Duy	QH-2021-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2405	21050407	Hoàng Văn Đình	QH-2021-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2406	21050411	Nguyễn Trọng Đức	QH-2021-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2407	21050413	Hoàng Kim Ngân Giang	QH-2021-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2408	21050414	Nguyễn Hoàng Giang	QH-2021-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	23,065,000	23,065,000	
2409	21050420	Đỗ Minh Hà	QH-2021-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2410	21050421	Đoàn Thị Thúy Hà	QH-2021-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2411	21050424	Phạm Thu Hà	QH-2021-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2412	21050425	Lê Mỹ Hạnh	QH-2021-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2413	21050427	Đỗ Thị Thu Hằng	QH-2021-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	20,710,000	20,710,000	

2414	21050430	Trần Minh Hiếu	QH-2021-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2415	21050438	Nguyễn Đức Huy	QH-2021-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2416	21050450	Nguyễn Văn Khánh	QH-2021-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2417	21050481	Vũ Xuân Mai	QH-2021-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2418	21050484	Lê Ngọc Minh	QH-2021-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2419	21050490	Trần Ngân Mỹ	QH-2021-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	
2420	21050496	Nguyễn Lê Minh Ngọc	QH-2021-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2421	21050501	Phạm Hà Nguyên	QH-2021-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2422	21050508	Nguyễn Hoàng Uyên Nhi	QH-2021-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2423	21050514	Vũ Hải Phong	QH-2021-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2424	21050517	Ngô Hà Phương	QH-2021-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2425	21050521	Vũ Thị Anh Phương	QH-2021-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2426	21050522	Trần Minh Quang	QH-2021-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2427	21050526	Nguyễn Trọng Quyền	QH-2021-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2428	21050527	Đào Như Quỳnh	QH-2021-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2429	21050528	Nguyễn Thu San	QH-2021-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2430	21050529	Nguyễn Trần Hoàng Sơn	QH-2021-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2431	21050531	Phạm Thị Minh Tâm	QH-2021-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2432	21050544	Dương Thị Thùy	QH-2021-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2433	21050546	Bùi Thanh Thư	QH-2021-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2434	21050551	Đỗ Thị Huyền Trang	QH-2021-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2435	21050554	Phạm Nguyễn Thiên Trang	QH-2021-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2436	21050555	Trần Thị Quỳnh Trang	QH-2021-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2437	21050557	Lê Quang Trường	QH-2021-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2438	21050362	Thân Ngọc An	QH-2021-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2439	21050374	Nguyễn Phương Anh	QH-2021-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2440	21050379	Trần Minh Anh	QH-2021-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	20,710,000	20,710,000	
2441	21050386	Nguyễn Hải Châu	QH-2021-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2442	21050389	Đỗ Phương Chi	QH-2021-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2443	21050393	Vũ Thị Bảo Chi	QH-2021-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2444	21050402	Phạm Thùy Dương	QH-2021-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	
2445	21050405	Dương Thành Đạt	QH-2021-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2446	21050409	Lâm Đình Đức	QH-2021-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2447	21050415	Nguyễn Thị Nam Giang	QH-2021-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2448	21050418	Nguy Nông Bằng Giang	QH-2021-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	14,070,000	14,070,000	
2449	21050423	Nguyễn Việt Hà	QH-2021-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2450	21050429	Nguyễn Minh Hiếu	QH-2021-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2451	21050433	Nguyễn Thị Mai Hoa	QH-2021-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2452	21050436	Mai Thị Phương Huế	QH-2021-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2453	21050440	Hoàng Thu Huyền	QH-2021-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2454	21050443	Ngô Thị Khánh Huyền	QH-2021-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	20,065,000	20,065,000	
2455	21050449	Nguyễn Ngọc Khánh	QH-2021-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2456	21050454	Đình Gia Khương	QH-2021-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2457	21050458	Phạm Vũ Phương Liên	QH-2021-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	
2458	21050461	Nguyễn Bảo Linh	QH-2021-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	20,710,000	20,710,000	
2459	21050464	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	QH-2021-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2460	21050467	Nguyễn Phương Linh	QH-2021-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2461	21050471	Vũ Diệu Linh	QH-2021-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2462	21050474	Nguyễn Hồng Loan	QH-2021-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2463	21050480	Trương Thị Xuân Mai	QH-2021-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2464	21050483	Đỗ Ngọc Minh	QH-2021-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	20,065,000	20,065,000	
2465	21050487	Bùi Trà My	QH-2021-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	

2466	21050491	Ngô Khánh Ngân	QH-2021-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2467	21050494	Trần Thị Ngân	QH-2021-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2468	21050498	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	QH-2021-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2469	21050502	Đào Thị Minh Nguyệt	QH-2021-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2470	21050506	Đỗ Ngọc Nhi	QH-2021-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	20,710,000	20,710,000	
2471	21050510	Nguyễn Yến Nhi	QH-2021-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2472	21050518	Trần Thị Thúy Phương	QH-2021-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2473	21050525	Trần Tố Quyên	QH-2021-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2474	21050532	Đào Nhật Tân	QH-2021-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2475	21050535	Hoàng Thanh Thảo	QH-2021-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2476	21050538	Trần Phương Thảo	QH-2021-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2477	21050541	Dư Thị Hoài Thu	QH-2021-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2478	21050545	Vũ Thu Thủy	QH-2021-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2479	21050549	Dương Thùy Trang	QH-2021-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2480	21050553	Nguyễn Mai Trang	QH-2021-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2481	21050559	Nguyễn Hoàng Tú Uyên	QH-2021-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2482	21050562	Phạm Quang Vinh	QH-2021-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2483	21050565	Đoàn Thị Hà Vy	QH-2021-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	
2484	21050363	Cung Phương Anh	QH-2021-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2485	21050368	Lê Trịnh Minh Anh	QH-2021-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2486	21050380	Võ Hoài Anh	QH-2021-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2487	21050387	Nguyễn Thị Minh Châu	QH-2021-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2488	21050390	Nguyễn Hồ Vân Chi	QH-2021-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2489	21050394	Nguyễn Mạnh Chiến	QH-2021-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2490	21050399	Trần Thùy Dung	QH-2021-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2491	21050403	Võ Hoàng Dương	QH-2021-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2492	21050406	Nguyễn Đức Đạt	QH-2021-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2493	21050416	Nguyễn Thảo Giang	QH-2021-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2494	21050419	Phạm Hương Giang	QH-2021-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2495	21050426	Phạm Thị Hồng Hạnh	QH-2021-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2496	21050431	Trần Trung Hiếu	QH-2021-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2497	21050434	Hoàng Thu Hoàn	QH-2021-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2498	21050437	Trần Đặng Bá Hùng	QH-2021-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	
2499	21050441	Lê Phương Huyền	QH-2021-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2500	21050444	Nguyễn Thị Thanh Huyền	QH-2021-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2501	21050447	Bùi Mai Hương	QH-2021-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	20,065,000	20,065,000	
2502	21050452	Đào Ngọc Minh Khuê	QH-2021-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2503	21050456	Bùi Tùng Lâm	QH-2021-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2504	21050459	Hồ Diệu Linh	QH-2021-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2505	21050462	Nguyễn Diệu Linh	QH-2021-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2506	21050465	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	QH-2021-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2507	21050468	Phạm Thùy Linh	QH-2021-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2508	21050472	Vũ Thị Khánh Linh	QH-2021-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2509	21050478	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	QH-2021-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2510	21050485	Mai Lâm Minh	QH-2021-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2511	21050488	Nguyễn Thị Huyền My	QH-2021-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2512	21050492	Nguyễn Thị Kim Ngân	QH-2021-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2513	21050495	Cầm Minh Ngọc	QH-2021-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2514	21050499	Nông Thị Bích Ngọc	QH-2021-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	14,070,000	14,070,000	
2515	21050507	Lê Ngọc Nhi	QH-2021-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2516	21050511	Đoàn Thị Hồng Nhung	QH-2021-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2517	21050519	Trần Thanh Phương	QH-2021-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	

2518	21050523	Phạm Lê Anh Quân	QH-2021-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2519	21050533	Đỗ Thị Hương Thảo	QH-2021-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2520	21050536	Nguyễn Phương Thảo	QH-2021-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2521	21050542	Hà Thị Minh Thu	QH-2021-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2522	21050547	Hoàng Anh Thư	QH-2021-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2523	21050550	Đỗ Quỳnh Trang	QH-2021-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2524	21050556	Nguyễn Bảo Trâm	QH-2021-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2525	21050560	Trịnh Thảo Vân	QH-2021-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2526	21050563	Hà Thế Vũ	QH-2021-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2527	21050369	Nguyễn Châm Anh	QH-2021-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2528	21050372	Nguyễn Ngọc Anh	QH-2021-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2529	21050376	Nguyễn Thị Diệu Anh	QH-2021-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2530	21050381	Vũ Mai Anh	QH-2021-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2531	21050385	Trịnh Thị Thanh Bình	QH-2021-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2532	21050388	Trịnh Minh Châu	QH-2021-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	19,985,000	19,985,000	
2533	21050392	Vũ Quỳnh Chi	QH-2021-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2534	21050404	Phạm Linh Đan	QH-2021-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2535	21050408	Đặng Việt Đức	QH-2021-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2536	21050412	Vũ Minh Đức	QH-2021-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2537	21050417	Nguyễn Trường Giang	QH-2021-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2538	21050422	Khuất Việt Hà	QH-2021-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	20,710,000	20,710,000	
2539	21050428	Nguyễn Thanh Hằng	QH-2021-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2540	21050432	Đỗ Thị Hoa	QH-2021-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2541	21050435	Vũ Xuân Hoàng	QH-2021-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2542	21050439	Cao Thị Khánh Huyền	QH-2021-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2543	21050442	Mai Thu Huyền	QH-2021-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2544	21050445	Nguyễn Thanh Huyền	QH-2021-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2545	21050448	Nguyễn Thu Hương	QH-2021-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2546	21050453	Trần Minh Khuê	QH-2021-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2547	21050457	Nguyễn Thị Quỳnh Liên	QH-2021-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2548	21050460	Lê Nguyễn Diệu Linh	QH-2021-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2549	21050463	Nguyễn Khánh Linh	QH-2021-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2550	21050466	Nguyễn Phương Linh	QH-2021-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2551	21050469	Trần Hoa Thảo Linh	QH-2021-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2552	21050473	Vũ Thùy Linh	QH-2021-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2553	21050476	Bùi Khánh Ly	QH-2021-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2554	21050479	Phạm Thanh Mai	QH-2021-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2555	21050482	Dương Ngọc Minh	QH-2021-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2556	21050486	Vũ Công Minh	QH-2021-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2557	21050493	Phạm Khánh Ngân	QH-2021-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2558	21050497	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	QH-2021-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2559	21050500	Trịnh Mỹ Ngọc	QH-2021-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2560	21050504	Nguyễn Trần Bảo Nhật	QH-2021-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	27,880,000	27,880,000	
2561	21050509	Nguyễn Thị Thanh Nhi	QH-2021-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2562	21050512	Nguyễn Cẩm Nhung	QH-2021-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2563	21050516	Đỗ Đức Phương	QH-2021-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2564	21050520	Trịnh Hà Phương	QH-2021-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2565	21050524	Đỗ Thị Quyên	QH-2021-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2566	21050530	Lê Thị Thanh Tâm	QH-2021-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2567	21050534	Hoàng Thị Thanh Thảo	QH-2021-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2568	21050537	Nguyễn Thị Phương Thảo	QH-2021-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2569	21050540	Chúc Văn Thiện	QH-2021-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	

2570	21050543	Đinh Thị Diệu Thuần	QH-2021-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2571	21050552	Nguyễn Huyền Trang	QH-2021-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2572	21050561	Nguyễn Quang Vinh	QH-2021-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2573	21050564	Vũ Thị Vui	QH-2021-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2574	20050490	Nguyễn Huyền My	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	22,960,000	22,960,000	
2575	20050558	Lường Thị Yến	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	19,375,000	19,375,000	
2576	20050508	Trần Ngọc Thảo Phương	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
2577	20050488	Nguyễn Trường Nhật Minh	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	26,490,000	26,490,000	
2578	19050765	Nguyễn Hoàng Tùng	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	23,865,000	23,865,000	
2579	21050451	Lương Danh Khoa	QH-2021-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	
Tổng SV:			2579			

Danh sách gồm 2579 sinh viên